

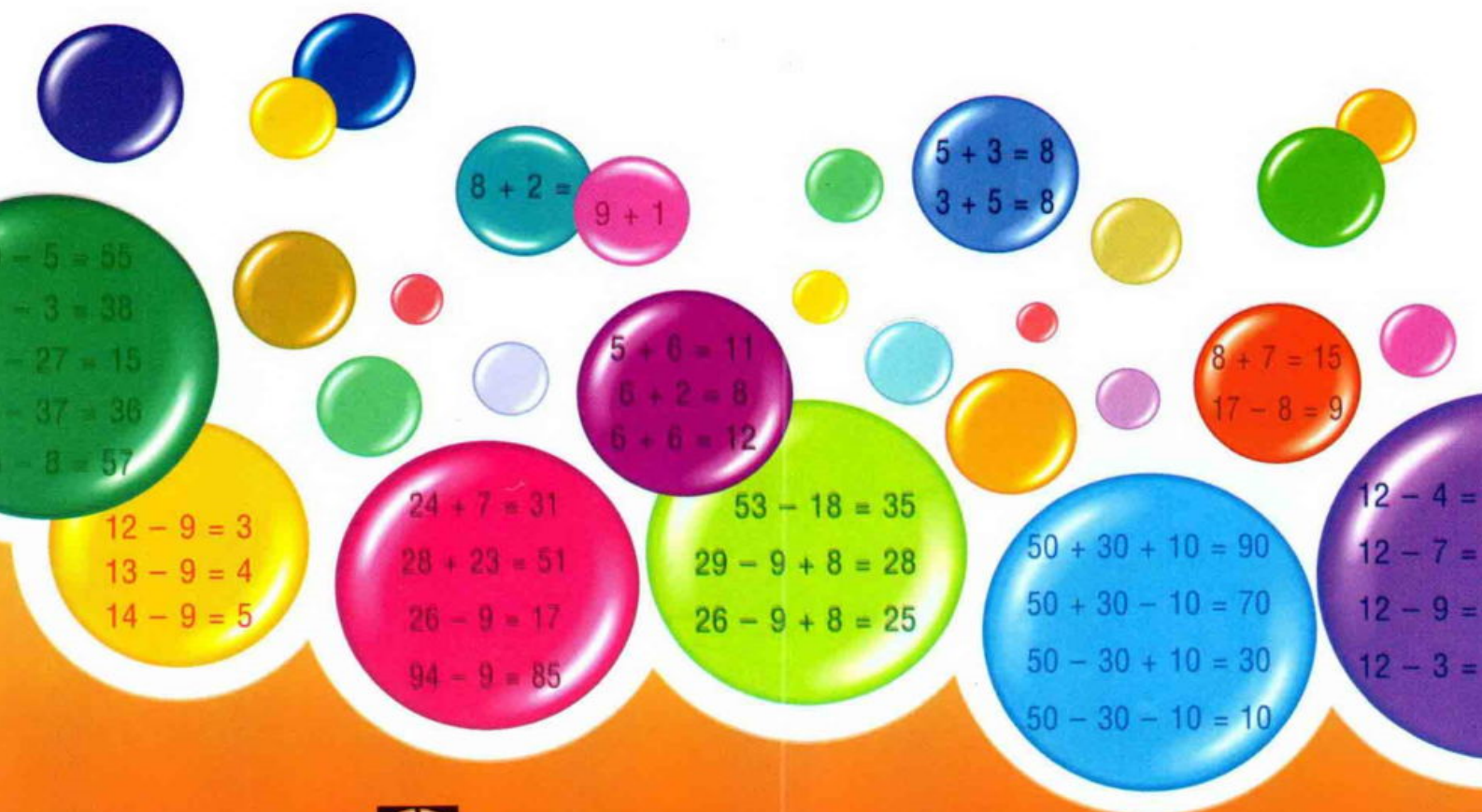
ĐỖ TRUNG HIỆU (Chủ biên)
TRẦN THỊ KIM CƯỜNG – NGUYỄN HÙNG QUANG

TOÁN

CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO

Lớp 2

TẬP 1



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐỖ TRUNG HIỆU (Chủ biên)
TRẦN THỊ KIM CƯƠNG - NGUYỄN HÙNG QUANG

TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO

LỚP 2 - TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ tư)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách “Toán cơ bản và nâng cao” cấp Tiểu học gồm 8 cuốn : lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 (mỗi lớp có 2 tập). Bộ sách được biên soạn nhằm giúp học sinh có tài liệu củng cố, rèn luyện kiến thức và kĩ năng thực hành trong buổi 2 ở mỗi tuần học.

Theo lịch học buổi 2, thông thường mỗi tuần có hai tiết học toán. Vì vậy, cấu trúc của sách được trình bày theo tuần như sau :

- Phần đầu của mỗi tuần là tóm tắt những nội dung kiến thức cơ bản của tuần đó.
- Tiếp theo là hai tiết luyện tập gồm các bài tập cơ bản được chọn lọc phù hợp với Chuẩn kiến thức - kĩ năng môn học ; đồng thời có bổ sung một số bài nâng cao mang tính ứng dụng với những hình thức phong phú, đa dạng nhằm bước đầu rèn luyện thao tác tư duy hợp lí, đáp ứng yêu cầu đối với HS khá, giỏi và yêu thích Toán. Tiết “Luyện tập 1” gồm các bài tập trong nửa đầu của tuần học, tiết “Luyện tập 2” gồm các bài tập trong nửa cuối của tuần học.
- Giữa học kì và cuối học kì còn có bài tự kiểm tra phù hợp với yêu cầu của Chuẩn kiến thức - kĩ năng môn học.

Mặc dù các tác giả đã cố gắng biên soạn theo ý tưởng tốt đẹp, nhưng khó có thể tránh khỏi những thiếu sót, sơ suất. Chúng tôi chờ mong những ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo và các bậc phụ huynh học sinh để chất lượng cuốn sách ngày càng tốt hơn. Những ý kiến đóng góp xin gửi về:

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
187B Giảng Võ - Hà Nội.

Hà Nội, tháng 9/2010
Các tác giả

*** Các số có một chữ số**

0, 1, 2, 3, ..., 8, 9.

*** Các số có hai chữ số**

10, 11, 12, 13, ..., 98, 99.

*** Cấu tạo số có hai chữ số**

$36 = 30 + 6$.

Đọc là : ba mươi sáu bằng ba mươi cộng sáu.

Số 36 gồm 3 chục và 6 đơn vị.

*** Số hạng. Tổng**

$$\begin{array}{c} 23 \\ \text{Số hạng} \end{array} + \begin{array}{c} 15 \\ \text{Số hạng} \end{array} = \begin{array}{c} 38 \\ \text{Tổng} \end{array}$$

$23 + 15$ cũng gọi là tổng

Chục	Đơn vị
2	3
+	
1	5
3	8

← Số hạng

← Số hạng

← Tổng

LUYỆN TẬP 1

1. Đây là các số áo của các cầu thủ trong đội tuyển bóng đá :

1; 12; 3; 34; 46; 8; 9; 87; 5; 95; 54.

a) Các số áo có một chữ số là :;;;;

b) Các số áo có hai chữ số là :;;;;;

c) Biết số áo của thủ môn là số lớn nhất. Số áo của thủ môn là :

d) Đội trưởng mang số áo là số lớn nhất có một chữ số. Số áo của đội trưởng là :

2. a) Viết tiếp các số chỉ các bậc cầu thang còn thiếu :;

.....;;;

b) Cầu thang có số bậc là :

c) Bậc cao nhất là : Bậc số

d) Bậc thấp nhất là : Bậc số

e) Bậc cầu thang cao hơn, tiếp theo bậc số 8 là bậc số



3. Lớp em tổ chức cuộc thi "Đấu trường 40". Sau đây là bảng điện tử, trên bảng chỉ hiện số của các đấu thủ trả lời đúng câu hỏi, còn các số của đấu thủ trả lời sai mất đi chỉ còn lại ô trống.

1	2				6				10
	12	13						19	
21	22		24	25	26			29	
		33		35		37			40

- Số các đấu thủ trả lời đúng câu hỏi là :
- Em hãy ghi lại số của các đấu thủ trả lời sai vào các ô trống.
- Số bé nhất có hai chữ số là : đọc là :
- Số lớn nhất của các đấu thủ trả lời đúng là : đọc là :
- Số liền trước của số 19 là số đọc là
- Số liền sau của 35 là số đọc là

4. Viết các số theo mẫu :

$64 = 60 + 4$	$50 + 3 = 53$
$25 = \dots\dots\dots$	$30 + 4 = \dots\dots\dots$
$57 = \dots\dots\dots$	$20 + 7 = \dots\dots\dots$
$81 = \dots\dots\dots$	$10 + 5 = \dots\dots\dots$
$95 = \dots\dots\dots$	$70 + 9 = \dots\dots\dots$

5.

>
<
=

?

19 30	65 61	$30 + 8$ 39
45 54	47 47	$70 + 1$ 72

6. Dưới đây là bảng ghi số nhà của các bạn ở phố. Nhưng trên bảng mới chỉ ghi số nhà của ba bạn, còn số nhà của năm bạn chưa được ghi. Sau đây là số nhà của năm bạn đó : 42; 67; 55; 96; 84. Nhờ bạn viết tiếp các số thích hợp vào ô trống. (Các số nhà được ghi theo thứ tự từ bé đến lớn)

		60		80			100
--	--	----	--	----	--	--	-----

LUYỆN TẬP 2

1. Tính tổng, rồi nối theo mẫu :

$\begin{array}{r} 32 \\ + 5 \\ \hline 37 \end{array}$	→	Số hạng		$\begin{array}{r} 44 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$
	→	Số hạng		
	→	Tổng		
$\begin{array}{r} 32 \\ + 25 \\ \hline \end{array}$		Số hạng		$\begin{array}{r} 37 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$
		Số hạng		
.....		Tổng		

2. Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

- a) 65 và 22 b) 50 và 26 c) 71 và 8 d) 52 và 37

.....

.....

.....

3. Nối (theo mẫu) :

$70 + 10 + 10$	$40 + 10 + 20$	$50 + 30 + 10$	$30 + 10 + 10$
50	60	70	80
$70 + 20$	$40 + 30$	$50 + 40$	$30 + 20$

4. Bà Ba đi chợ bán trứng. Buổi sáng bà bán được 23 quả trứng, buổi chiều bà bán được 35 quả trứng. Hỏi cả hai buổi bà Ba bán được bao nhiêu quả trứng ?

Bài giải

.....

.....

.....

5. An có hai túi bi, một túi bi xanh có 41 viên và một túi bi đỏ có 55 viên. Hỏi cả hai túi có tất cả bao nhiêu viên bi ?

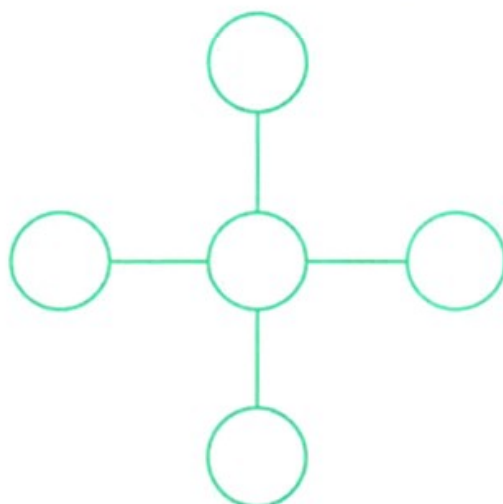
Bài giải

.....

.....

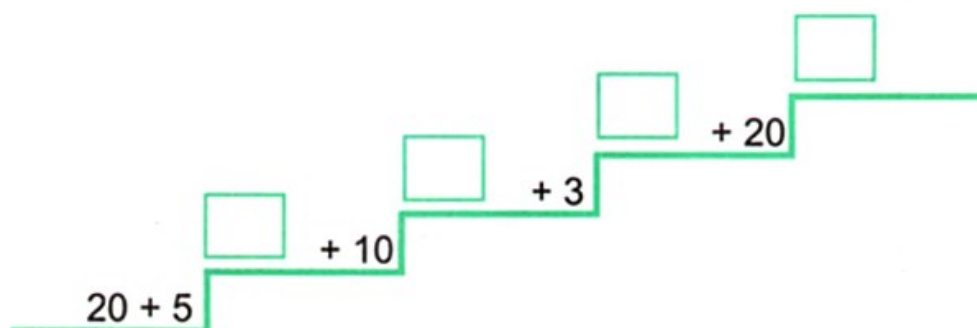
.....

6. Điền các số 10; 20; 30; 40; 50 vào các ô trống, sao cho tổng các số theo hàng ngang, theo cột dọc đều bằng nhau.



7. Ai leo thang giỏi ?

Bạn hãy thực hiện phép cộng ở bậc thang dưới cùng, rồi ghi kết quả vào ô trống của bậc thang thứ 2. Tiếp đó bạn lại thực hiện phép cộng ở bậc thang thứ hai và lại ghi kết quả vào ô trống ở bậc thang thứ 3, cứ tiếp tục như vậy cho đến ô trống cuối cùng. Ai đến trước người đó thắng.



* Đề-xi-mét

$$1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$$

$$10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$$

Khi so sánh độ dài các đoạn thẳng, hoặc khi cộng, trừ độ dài các đoạn thẳng phải có cùng đơn vị đo.

* Số bị trừ - Số trừ - Hiệu

$$67 - 25 = 42$$

Số bị trừ

Số trừ

Hiệu

67 - 25 cũng gọi là hiệu.

Chục	Đơn vị
6	7
- 2	5
4	2

LUYỆN TẬP 1

1. Bố cao 17dm, mẹ cao 16dm. Điền các từ "cao hơn" hoặc "thấp hơn" vào chỗ chấm thích hợp:

a) Mẹ bố.

b) Bố mẹ.

2. Tính :

a)	$4\text{dm} + 3\text{dm} =$	$10\text{dm} + 5\text{dm} =$
	$7\text{dm} + 3\text{dm} =$	$12\text{dm} + 3\text{dm} =$

b)	$9\text{dm} - 2\text{dm} =$	$10\text{dm} - 3\text{dm} =$
	$15\text{dm} - 3\text{dm} =$	$46\text{dm} - 5\text{dm} =$

3. a) Tìm trên thước thẳng dài 30cm vạch chỉ 2dm.

b) Vẽ đoạn thẳng MN dài 1dm.

.....

4. Số ? $3\text{dm} = \dots\dots \text{cm}$; $5\text{dm} = \dots\dots \text{cm}$; $10\text{dm} = \dots\dots \text{cm}$;
 $20\text{cm} = \dots\dots \text{dm}$; $60\text{cm} = \dots\dots \text{dm}$; $80\text{cm} = \dots\dots \text{dm}$.

5. Điền cm hoặc dm vào chỗ chấm cho thích hợp :

- a) Bạn Bình học lớp Hai. Bạn Bình cao 11.....
- b) Thước kẻ của An dài 20.....
- c) Cột cờ trường em cao 35.....

6. Một đoạn sắt dài 43dm, một đoạn sắt khác dài 25dm được hàn nối với nhau thành một đoạn sắt dài hơn để làm dây thu lôi cho một ngôi nhà. Hỏi đoạn dây thu lôi dài bao nhiêu đề-xi-mét ? (Phần kết nối coi như không đáng kể)
(Dây thu lôi là một dây sắt dài nối từ một cọc sắt nhọn đặt trên nóc nhà với một cọc sắt chôn dưới đất nhằm tránh sét).

Bài giải

7. Đúng ghi Đ, Sai ghi S :

Thước kẻ của Nam dài 2dm, thước kẻ của Bình dài 15cm.

- a) Thước kẻ của Nam dài hơn thước kẻ của Bình. ☐
- b) Thước kẻ của Bình dài hơn thước kẻ của Nam. ☐
- c) Thước kẻ của hai bạn bằng nhau. ☐

8. Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Để quét bụi và mạng nhện trong nhà, bố An buộc nối hai cây gậy với nhau. Một cây gậy dài 14dm, cây gậy kia dài 12dm. Biết đoạn nối giữa hai cây gậy là 3dm. Hỏi hai cây gậy nối nhau dài bao nhiêu đề-xi-mét ?

- A. 29dm B. 23dm C. 25dm D. 26dm

LUYỆN TẬP 2

1. Tính rồi nối (theo mẫu) :

$17 - 5 = 12$	$67 - 33 =$	$70 - 30 =$
↓ Số bị trừ ↓ Số trừ ↓ Hiệu	Số bị trừ Số trừ Hiệu	Số bị trừ Số trừ Hiệu

2. Tính nhẩm :

$50 - 40 = \dots$

$70 - 30 = \dots$

$90 - 20 = \dots$

$80 - 50 = \dots$

$40 - 10 = \dots$

$50 - 20 = \dots$

$60 - 40 = \dots$

$90 - 30 = \dots$

3. Đặt tính rồi tính :

a) $87 - 35$

$46 - 24$

$67 - 32$

$25 - 13$

.....
.....
.....

b) $38 - 5$

$59 - 44$

$94 - 52$

$72 - 51$

.....
.....
.....

4. Nhà Bình nuôi vừa gà, vừa vịt là 67 con, biết gà có 22 con. Hỏi nhà Bình nuôi bao nhiêu con vịt ?

Bài giải

.....
.....
.....

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Một sợi dây dài 19dm, người ta cắt đi một đoạn dài 6dm. Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Sợi dây còn lại dài là : A. 10dm B. 12dm C. 13dm D. 15dm

6. Viết các số thích hợp vào ô trống :

a)

20	30						90
----	----	--	--	--	--	--	----

b)

50	51									60
----	----	--	--	--	--	--	--	--	--	----

7. Viết :

a) Số liền trước của 77 là

b) Số liền sau của 98 là

c) Số liền sau của 0 là

d) Số liền trước của 10 là

e) Các số lớn hơn 57 và bé hơn 60 là,

8. Viết các số theo chục và đơn vị (theo mẫu) :

$18 = 10 + 8 ;$

$26 = \dots\dots\dots ;$

$37 = \dots\dots\dots ;$

$53 = \dots\dots\dots ;$

$87 = \dots\dots\dots ;$

$95 = \dots\dots\dots ;$

9. Đúng ghi Đ, Sai ghi S :

a) $2\text{dm} + 7\text{cm} = 9\text{dm}$

☐

b) $3\text{cm} + 5\text{cm} = 8\text{cm}$

☐

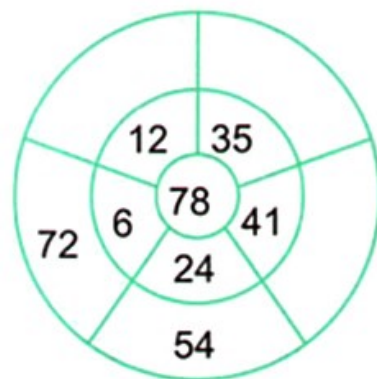
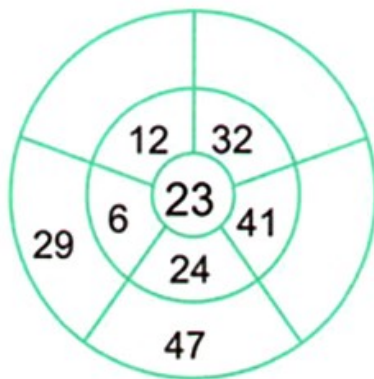
c) $10\text{cm} + 8\text{dm} = 18\text{cm}$

☐

d) $12\text{dm} + 7\text{dm} = 19\text{dm}$

☐

10. Điền các số thích hợp vào các ô trống cho đúng quy luật :



PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 10. PHÉP CỘNG CÓ DẠNG $26 + 4$; $36 + 24$. PHÉP CỘNG CÓ DẠNG $9 + 5$

* Phép cộng có tổng bằng 10

$$9 + 1 = 10 \quad 8 + 2 = 10 \quad 7 + 3 = 10 \quad 6 + 4 = 10 \quad 5 + 5 = 10$$

$$1 + 9 = 10 \quad 2 + 8 = 10 \quad 3 + 7 = 10 \quad 4 + 6 = 10$$

* Bảng 9 cộng với một số

$$9 + 2 = 11 \quad 9 + 4 = 13 \quad 9 + 6 = 15 \quad 9 + 8 = 17$$

$$9 + 3 = 12 \quad 9 + 5 = 14 \quad 9 + 7 = 16 \quad 9 + 9 = 18$$

* Tính viết

Chục	Đơn vị
4	6
+	4
5	0

Chục	Đơn vị
3	6
+	4
6	0

Chục	Đơn vị
	9
+	5
1	4

* Tính nhẩm

$$9 + 5 = ? \quad \begin{cases} 9 + 1 = 10 \\ 10 + 4 = 14 \end{cases}$$



LUYỆN TẬP 1

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

2. Viết vào ô trống (theo mẫu):

10	
1	9
	8
7	
	6
5	

10	
4	6
	3
2	
	9
9	

3. Tính nhẩm :

$6 + 4 + 2 =$

$7 + 3 + 8 =$

$5 + 5 + 4 =$

$9 + 1 + 5 =$

$4 + 6 + 7 =$

$2 + 8 + 1 =$

4. Tính:

$$\begin{array}{r} 23 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 42 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 54 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 21 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 35 \\ + 15 \\ \hline \end{array}$$

.....

5. Đúng ghi Đ, Sai ghi S :



A. 8 giờ ☐



B. 12 giờ ☐



C. 11 giờ ☐

6. Nối phép cộng với kết quả của phép cộng đó :

$63 + 7$

$42 + 8$

$84 + 6$

60

80

70

90

50

40

$38 + 22$

$25 + 15$

$49 + 31$

7. Lớp 2A có 28 học sinh, lớp 2B có 32 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh ?

Bài giải

8. Hãy viết 5 phép cộng có tổng bằng 30 :

LUYỆN TẬP 2

1. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $\frac{23}{+7}$ $\frac{7}{30}$ ☐

b) $\frac{23}{+7}$ $\frac{7}{93}$ ☐

c) $\frac{29}{+1}$ $\frac{1}{20}$ ☐

d) $\frac{29}{+1}$ $\frac{1}{30}$ ☐

2. Đặt tính rồi tính :

32 + 38

.....
.....
.....

41 + 19

.....
.....
.....

27 + 13

.....
.....
.....

45 + 45

.....
.....
.....

3. Tính :

$\frac{9}{+7}$
.....

$\frac{9}{+3}$
.....

$\frac{4}{+9}$
.....

$\frac{6}{+9}$
.....

$\frac{9}{+9}$
.....

4. Tính nhẩm :

9 + 1 + 6 =

7 + 3 + 1 =

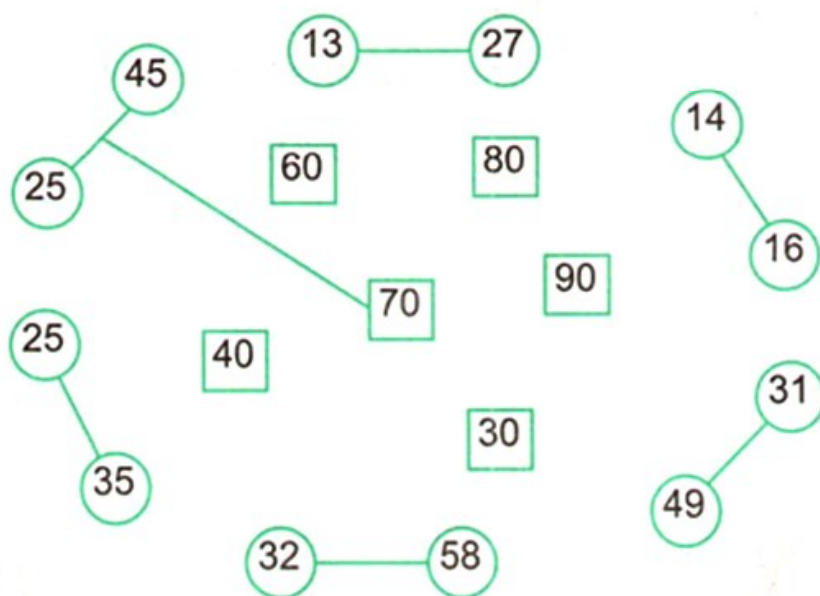
4 + 6 + 2 =

8 + 2 + 7 =

5 + 5 + 8 =

6 + 4 + 9 =

5. Nối cặp số với tổng của hai số đó (theo mẫu) :



6. Buổi sáng mẹ mua 9 quả trứng gà, buổi chiều mẹ mua thêm 7 quả nữa.
Hỏi ngày hôm đó mẹ mua bao nhiêu quả trứng gà ?

Bài giải

.....
.....
.....

7. Bạn Huy có 17 quyển vở, bạn Hoàng có 23 quyển vở. Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu quyển vở ?

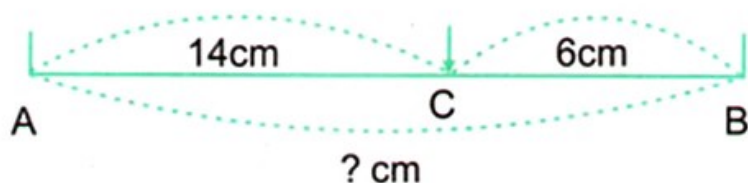
Bài giải

.....
.....
.....

8. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Đoạn thẳng AB dài là :

- A. 14 cm
B. 6cm
C. 20dm
D. 2dm



9. Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $9 + 7 = 9 + 1 + \dots$

b) $9 + 3 = 9 + 1 + \dots$

c) $9 + 2 = 9 + 1 + \dots$

d) $9 + 9 = 9 + 1 + \dots$

TUẦN 4

PHÉP CỘNG CÓ DẠNG $29 + 5$, $49 + 25$, $38 + 5$

* **Phép cộng có dạng $29 + 5$, $49 + 25$, $38 + 5$**

Chục	Đơn vị
2	9
+	5
3	4

Chục	Đơn vị
4	9
+	5
7	4

Chục	Đơn vị
3	8
+	5
4	3

* **Bảng 8 cộng với một số**

$8 + 3 = 11$

$8 + 5 = 13$

$8 + 7 = 15$

$8 + 9 = 17$

$8 + 4 = 12$

$8 + 6 = 14$

$8 + 8 = 16$

* **Tính nhẩm**

$8 + 5 = ? \quad \begin{cases} 8 + 2 = 10 \\ 10 + 3 = 13 \end{cases}$



LUYỆN TẬP 1

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ + 13 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$$

2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Đặt tính rồi tính : $39 + 5$.

A.
$$\begin{array}{r} 39 \\ + 5 \\ \hline 34 \end{array}$$

B.
$$\begin{array}{r} 39 \\ + 5 \\ \hline 89 \end{array}$$

C.
$$\begin{array}{r} 39 \\ + 5 \\ \hline 44 \end{array}$$

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Đặt tính rồi tính : $49 + 2$

$29 + 13$

$$\text{a) } \begin{array}{r} + 49 \\ 2 \\ \hline 51 \end{array} \square$$

$$\text{b) } \begin{array}{r} + 49 \\ 2 \\ \hline 69 \end{array} \square$$

$$\text{c) } \begin{array}{r} + 29 \\ 13 \\ \hline 32 \end{array} \square$$

$$\text{d) } \begin{array}{r} + 29 \\ 13 \\ \hline 42 \end{array} \square$$

4. Đặt tính rồi tính :

$$19 + 19$$

.....

.....

.....

$$9 + 28$$

.....

.....

.....

$$39 + 37$$

.....

.....

.....

$$49 + 13$$

.....

.....

.....

5. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	9	59	69	9
Số hạng	8	4	12	24
Tổng				

6. Nối phép tính với kết quả đúng :

$$39 + 8$$

$$49 + 7$$

$$69 + 5$$

53

47

56

46

74

37

$$29 + 17$$

$$39 + 14$$

$$19 + 18$$

7. Tùng có 19 viên bi đỏ và 15 viên bi xanh. Hỏi Tùng có tất cả bao nhiêu viên bi ?

Bài giải

.....

8. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Hình vẽ bên có số đoạn thẳng là :

A. 4

B. 5

C. 7

D. 9



LUYỆN TẬP 2

1. Đặt tính rồi tính :

$9 + 8$

.....

.....

.....

$29 + 12$

.....

.....

.....

$8 + 7$

.....

.....

.....

$28 + 8$

.....

.....

.....

$38 + 9$

.....

.....

.....

2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Đặt tính rồi tính : $48 + 4$.

A.
$$\begin{array}{r} 48 \\ + 4 \\ \hline 88 \end{array}$$

B.
$$\begin{array}{r} 48 \\ + 4 \\ \hline 42 \end{array}$$

C.
$$\begin{array}{r} 48 \\ + 4 \\ \hline 52 \end{array}$$

3. Tính : $8\text{dm} + 4\text{dm} = \dots\dots$

$18\text{dm} + 6\text{dm} = \dots\dots$

$8\text{cm} + 9\text{cm} = \dots\dots$

$68\text{cm} + 3\text{cm} = \dots\dots$

4. Tính nhẩm :

a) $8 + 7 = \dots\dots$

$8 + 2 + 5 = \dots\dots$

b) $8 + 8 = \dots\dots$

$8 + 2 + 6 = \dots\dots$

c) $9 + 9 = \dots\dots$

$9 + 1 + 8 = \dots\dots$

d) $9 + 5 = \dots\dots$

$9 + 1 + 4 = \dots\dots$

5. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Đặt tính rồi tính : $28 + 7$;

$5 + 48$.

a)
$$\begin{array}{r} 28 \\ + 7 \\ \hline 35 \end{array} \quad \square$$

b)
$$\begin{array}{r} 28 \\ + 7 \\ \hline 98 \end{array} \quad \square$$

c)
$$\begin{array}{r} 5 \\ + 48 \\ \hline 98 \end{array} \quad \square$$

d)
$$\begin{array}{r} 5 \\ + 48 \\ \hline 53 \end{array} \quad \square$$

6. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $29 + 38 = 38 + 29$ ☐

b) $29 + 38 < 38 + 29$ ☐

c) $29 + 38 > 38 + 29$ ☐

7. Lan có 9 cái kẹo, Hồng có 18 cái kẹo. Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu cái kẹo ?

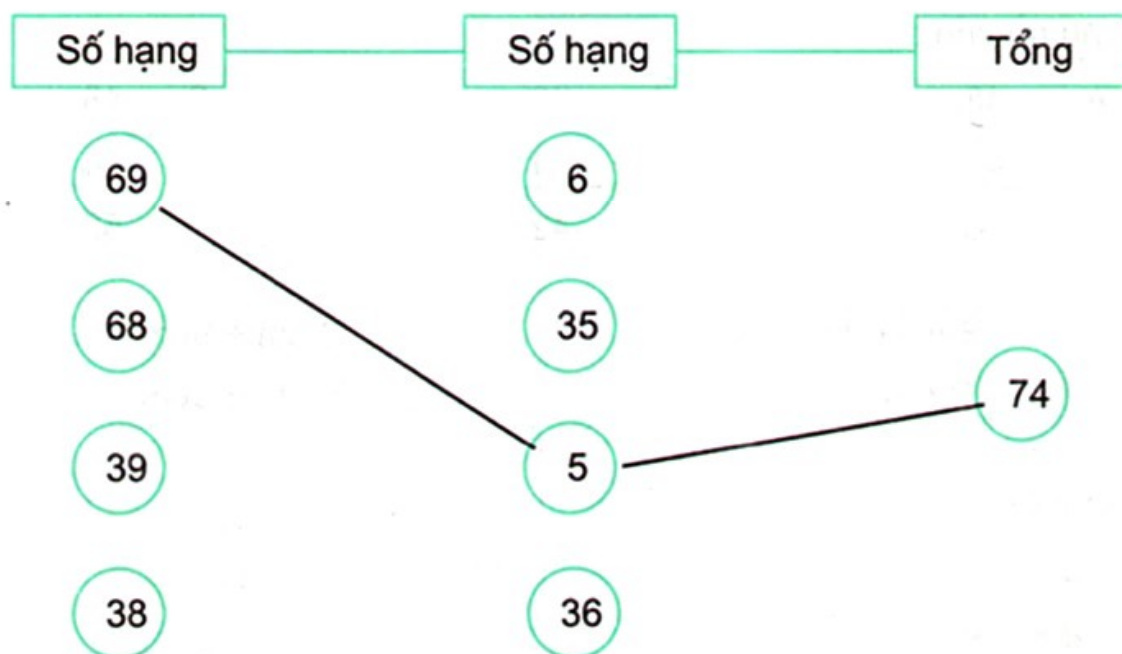
Bài giải

.....

.....

.....

8. Nối (theo mẫu) :



9. Viết số thích hợp vào ô vuông :

a)
$$\begin{array}{r} 68 \\ + \square \\ \hline \square 4 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 29 \\ + \square 2 \\ \hline 4\square \end{array}$$

PHÉP CỘNG CÓ DẠNG $28 + 37$.

HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH TỨ GIÁC.

BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN

* Phép cộng có dạng $28 + 37$

Chục	Đơn vị
2	8
+	7
3	
6	5

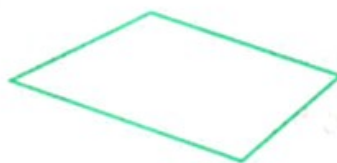
* Bài toán về nhiều hơn. Tìm số lớn

- Biết số bé.
- Biết phần "nhiều hơn".
- Số lớn = Số bé + phần "nhiều hơn".

* Hình chữ nhật - Hình tứ giác



Hình chữ nhật



Hình tứ giác

LUYỆN TẬP 1

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 15 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 18 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 58 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$

.....

2. Đặt tính rồi tính :

$$28 + 24$$

.....

.....

.....

$$18 + 17$$

.....

.....

.....

$$38 + 29$$

.....

.....

.....

$$48 + 36$$

.....

.....

.....

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Đặt tính rồi tính : $28 + 39$;

$58 + 4$.

a)
$$\begin{array}{r} 28 \\ + 39 \\ \hline 57 \end{array}$$
 ☐

b)
$$\begin{array}{r} 28 \\ + 39 \\ \hline 67 \end{array}$$
 ☐

c)
$$\begin{array}{r} 58 \\ + 4 \\ \hline 98 \end{array}$$
 ☐

d)
$$\begin{array}{r} 58 \\ + 4 \\ \hline 62 \end{array}$$
 ☐

4. Nối phép cộng với kết quả của phép cộng đó :

$39 + 8$

$48 + 7$

$68 + 8$

72

55

33

47

31

76

$18 + 15$

$28 + 44$

$18 + 13$

5. Điền số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	48	38	58	68
Số hạng	5	6	13	17
Tổng				

6. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Lớp 2A : 28 bạn

Lớp 2B : 27 bạn

Tổng :bạn ?

Bài giải

.....

7. Viết tên hình vào chỗ chấm :



a) Hình



b) Hình



c) Hình



d) Hình

8. Điền số thích hợp vào dấu ? :

$$\begin{array}{|c|c|c|} \hline 9 & & 7 \\ \hline & 16 & \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|c|c|} \hline 4 & & 8 \\ \hline & 12 & \\ \hline \end{array}$$

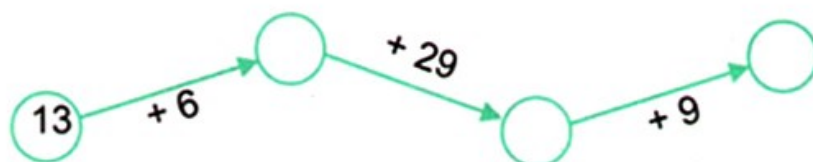
$$\begin{array}{|c|c|c|} \hline 8 & & 7 \\ \hline & 15 & \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|c|c|} \hline 8 & & ? \\ \hline & 13 & \\ \hline \end{array}$$

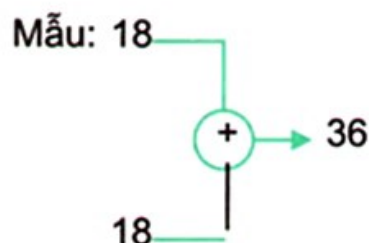
LUYỆN TẬP 2

1. $\begin{array}{|c|} \hline > \\ < \\ = \\ \hline \end{array} ?$
- | | |
|---------------------|-------------------------|
| $9 + 7 \dots 8 + 8$ | $18 + 6 \dots 19 + 4$ |
| $9 + 2 \dots 8 + 4$ | $29 + 3 \dots 28 + 4$ |
| $9 + 9 \dots 8 + 9$ | $48 + 18 \dots 49 + 19$ |

2. Số ?



3. Điền số (theo mẫu) :



- a) $\begin{array}{|c|} \hline 28 \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline + \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline 9 \\ \hline \end{array} \rightarrow \dots$
- b) $\begin{array}{|c|} \hline 18 \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline + \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline 7 \\ \hline \end{array} \rightarrow \dots$
- c) $\begin{array}{|c|} \hline 38 \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline + \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline 16 \\ \hline \end{array} \rightarrow \dots$
- d) $\begin{array}{|c|} \hline 48 \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline + \\ \hline \end{array} \begin{array}{|c|} \hline 35 \\ \hline \end{array} \rightarrow \dots$

4. Tùng có 7 viên bi, Lâm có nhiều hơn Tùng 2 viên bi. Hỏi Lâm có bao nhiêu viên bi ?

Tóm tắt :

Tùng có : 7 viên bi

Lâm có nhiều hơn Tùng : 2 viên bi

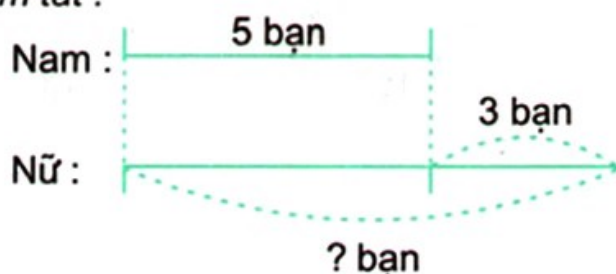
Lâm có : viên bi ?

Bài giải

.....

5. Tổ em có 5 bạn nam, số nữ nhiều hơn số nam là 3 bạn. Hỏi tổ em có mấy bạn nữ ?

Tóm tắt :



Bài giải

.....

.....

.....

6. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Tóm tắt : Hồng có : 15 vở

Hà có nhiều hơn Hồng : 4 vở

Hà có : vở ?

Bài giải

.....

.....

.....

7. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Túi thứ nhất:

12 quả cam

Túi thứ hai:

3 quả cam

? quả cam

Bài giải

.....

.....

.....

8. Dùng thước và bút nối các điểm để có :

a) Hình chữ nhật

b) Hình tứ giác



9. Mậu cao 96cm, Thân cao hơn Mậu 3cm. Hỏi Thân cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 6

7 CỘNG VỚI MỘT SỐ. PHÉP CỘNG CÓ DẠNG $7 + 5$; $47 + 5$; $47 + 25$. BÀI TOÁN VỀ ÍT HƠN

* Bảng cộng 7 với một số

$7 + 4 = 11$

$7 + 6 = 13$

$7 + 8 = 15$

$7 + 5 = 12$

$7 + 7 = 14$

$7 + 9 = 16$

* Phép cộng có dạng $37 + 5$; $57 + 35$

Chục	Đơn vị
	7
+	5
1	2

Chục	Đơn vị
3	7
+	5
4	2

Chục	Đơn vị
5	7
+	5
9	2

* Bài toán về ít hơn. Tìm số bé

- Biết số bé.
- Biết phần "ít hơn".
- Số bé = Số lớn - phần "ít hơn".

* Tính nhẩm

$7 + 5 = ? \quad \begin{cases} 7 + 3 = 10 \\ 10 + 2 = 12 \end{cases}$

LUYỆN TẬP 1

1. Tính :

a)
$$\begin{array}{r} 7 \\ + \\ 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

b)
$$\begin{array}{r} 27 \\ + \\ 7 \\ \hline \end{array}$$

.....

c)
$$\begin{array}{r} 37 \\ + \\ 8 \\ \hline \end{array}$$

.....

d)
$$\begin{array}{r} 47 \\ + \\ 9 \\ \hline \end{array}$$

.....

e)
$$\begin{array}{r} 27 \\ + \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

2. Đặt tính rồi tính :

$7 + 9$

.....
.....
.....

$17 + 6$

.....
.....
.....

$37 + 8$

.....
.....
.....

$57 + 7$

.....
.....
.....

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Đặt tính rồi tính : $57 + 4$.

a)
$$\begin{array}{r} 57 \\ + 4 \\ \hline 51 \end{array}$$
 ☐

b)
$$\begin{array}{r} 57 \\ + 4 \\ \hline 61 \end{array}$$
 ☐

c)
$$\begin{array}{r} 57 \\ + 4 \\ \hline 97 \end{array}$$
 ☐

d)
$$\begin{array}{r} 57 \\ + 4 \\ \hline 62 \end{array}$$
 ☐

4. Tính nhẩm :

$7 + 6 = \dots$

$7 + 4 = \dots$

$7 + 7 = \dots$

$7 + 3 + 3 = \dots$

$7 + 3 + 1 = \dots$

$7 + 3 + 4 = \dots$

5. Nối phép cộng với kết quả của phép cộng đó :

$7 + 9$

$27 + 4$

$17 + 5$

54

43

16

22

31

65

$37 + 6$

$47 + 7$

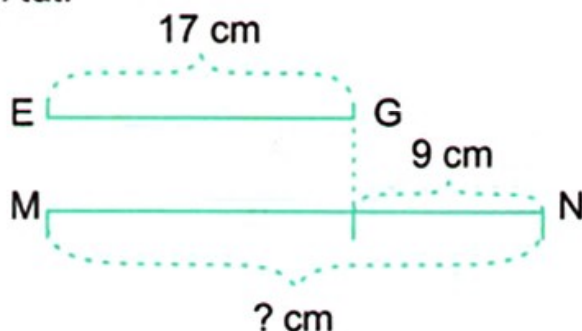
$57 + 8$

6. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	7	17	27	57
Số hạng	7	8	6	9
Tổng				

7. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Tóm tắt:



Bài giải

.....

8. Đố vui: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

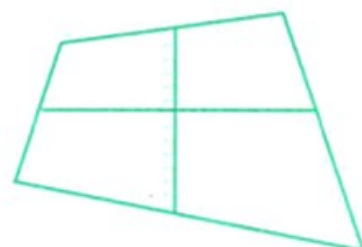
Số hình tứ giác trong hình vẽ bên là :

A. 4

B. 6

C. 8

D. 9



LUYỆN TẬP 2

1. Đặt tính rồi tính :

$37 + 9$

.....
.....
.....

$27 + 36$

.....
.....
.....

$17 + 57$

.....
.....
.....

$47 + 18$

.....
.....
.....

2. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Đặt tính rồi tính : $27 + 4$ $77 + 16$

a)
$$\begin{array}{r} 27 \\ + 4 \\ \hline 31 \end{array}$$
 ☐

b)
$$\begin{array}{r} 27 \\ + 4 \\ \hline 67 \end{array}$$
 ☐

c)
$$\begin{array}{r} 77 \\ + 16 \\ \hline 83 \end{array}$$
 ☐

d)
$$\begin{array}{r} 77 \\ + 16 \\ \hline 93 \end{array}$$
 ☐

3.

$\begin{array}{c} > \\ < \\ = \end{array}$

?

$27 + 38 \dots 28 + 37$

$57 + 19 \dots 47 + 28$

$67 + 9 \dots 47 + 29$

$55 + 17 \dots 57 + 18$

4. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Phương có 17 quyển vở, Hà có nhiều hơn Phương 4 quyển vở. Hỏi Hà có bao nhiêu quyển vở ?

a) 13 quyển vở ☐

b) 21 quyển vở ☐

5. Anh 7 tuổi, em ít hơn anh 4 tuổi. Hỏi em bao nhiêu tuổi ?

Tóm tắt:

Anh : 7 tuổi

Em ít hơn anh : 4 tuổi

Em : tuổi ?

Bài giải

.....
.....
.....

6. Lớp 2A có 18 bạn nam. Số bạn nữ ít hơn số nam là 5 bạn. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu bạn nữ ?

Tóm tắt:

18 bạn

Nam:

Nữ:

5 bạn

? bạn

Bài giải

.....
.....
.....

7. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Cành trên : 15 con chim

Cành dưới : 17 con chim

Cả hai cành : con chim ?

Bài giải

.....
.....
.....

8. Số ?



9. Kết quả của phép tính nào có thể điền được vào ô trống ? Hãy nối phép tính đó với kết quả điền được.

$17 + 8$

$29 + 3$

$47 - 5$

$22 + 17$

$17 + 15$

$25 < \square < 35$

* Ki-lô-gam viết tắt là kg

$$2\text{kg} + 3\text{kg} = 5\text{kg}$$

$$10\text{kg} - 2\text{kg} = 8\text{kg}$$

Trong giải toán ta viết :

$$2 + 3 = 5 \text{ (kg)}$$

$$10 - 2 = 8 \text{ (kg)}$$

* Bảng cộng 6 với một số

$$6 + 5 = 11$$

$$6 + 7 = 13$$

$$6 + 9 = 15$$

$$6 + 6 = 12$$

$$6 + 8 = 14$$

* Phép cộng có dạng $36 + 5$

Chục	Đơn vị
3 +	6 5
4	1

* Tính nhẩm

$$6 + 7 = ? \quad \begin{cases} 6 + 4 = 10 \\ 10 + 3 = 13 \end{cases}$$

$$\boxed{6} \xrightarrow{+4} \boxed{} \xrightarrow{+3} \boxed{}$$

LUYỆN TẬP 1

1. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a)
$$\begin{array}{r} 67 \\ + 3 \\ \hline 97 \end{array} \quad \boxed{}$$

b)
$$\begin{array}{r} 37 \\ + 28 \\ \hline 65 \end{array} \quad \boxed{}$$

c)
$$\begin{array}{r} 87 \\ + 9 \\ \hline 96 \end{array} \quad \boxed{}$$

d)
$$\begin{array}{r} 47 \\ + 24 \\ \hline 61 \end{array} \quad \boxed{}$$

2. Viết vào chỗ chấm (theo mẫu) :

a) - Ba ki-lô-gam viết là : 3kg.

- Bốn ki-lô-gam viết là :

- Mười hai ki-lô-gam viết là :

b) - 9kg đọc là : chín ki-lô-gam.

- 5kg đọc là :

- 7kg đọc là :

3. Tính: $4\text{kg} + 32\text{kg} = \dots\dots\dots$

$17\text{kg} + 13\text{kg} = \dots\dots\dots$

$28\text{kg} + 16\text{kg} = \dots\dots\dots$

$25\text{kg} - 4\text{kg} = \dots\dots\dots$

$35\text{kg} - 12\text{kg} = \dots\dots\dots$

$67\text{kg} - 45\text{kg} = \dots\dots\dots$

4. Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm :

a) $4\text{kg} + 3\text{kg} \dots 4\text{kg} + 5\text{kg}$

b) $9\text{kg} - 2\text{kg} \dots 9\text{kg} - 3\text{kg}$

c) $7\text{kg} + 6\text{kg} \dots 6\text{kg} + 7\text{kg}$

d) $15\text{kg} - 3\text{kg} \dots 7\text{kg} + 5\text{kg}$

e) $28\text{kg} + 4\text{kg} \dots 27\text{kg} + 4\text{kg}$

g) $17\text{kg} + 7\text{kg} \dots 29\text{kg} - 5\text{kg}$

5. Mẹ mua về 35kg vừa gạo nếp vừa gạo tẻ, trong đó có 12kg gạo tẻ. Hỏi mẹ mua về bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp ?

Bài giải

.....
.....
.....

6. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Quả dưa cân nặng là :



A. 3kg



B. 3kg



C. 3kg

7. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Tóm tắt : Chị cao : 98cm

Em thấp hơn chị : 6cm

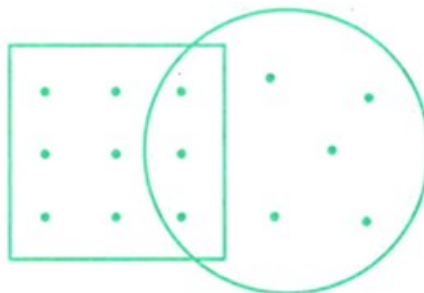
Em cao :cm ?

Bài giải

.....
.....
.....

8. Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

- a) Ở trong hình vuông có chấm tròn
- b) Ở trong hình tròn có chấm tròn
- c) Ở ngoài hình vuông có chấm tròn
- d) Ở ngoài hình tròn có chấm tròn.



LUYỆN TẬP 2

1. Đúng điền Đ, sai điền S : Đặt tính rồi tính : $26 + 6$.

a)
$$\begin{array}{r} 26 \\ + 6 \\ \hline 86 \end{array}$$
 ☐

b)
$$\begin{array}{r} 26 \\ + 6 \\ \hline 22 \end{array}$$
 ☐

c)
$$\begin{array}{r} 26 \\ + 6 \\ \hline 32 \end{array}$$
 ☐

2. Đặt tính rồi tính :

$6 + 9$

$16 + 5$

$46 + 6$

$56 + 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Đặt tính rồi tính :

$36 + 5$

$16 + 8$.

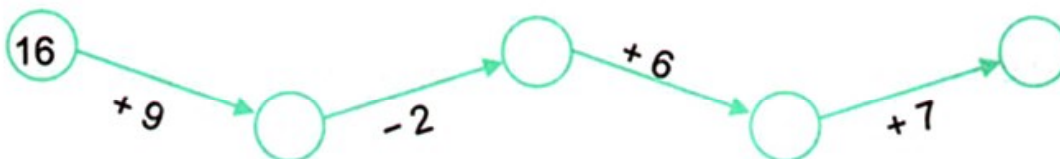
a)
$$\begin{array}{r} 36 \\ + 5 \\ \hline 41 \end{array}$$
 ☐

b)
$$\begin{array}{r} 36 \\ + 5 \\ \hline 86 \end{array}$$
 ☐

c)
$$\begin{array}{r} 16 \\ + 8 \\ \hline 96 \end{array}$$
 ☐

d)
$$\begin{array}{r} 16 \\ + 8 \\ \hline 24 \end{array}$$
 ☐

4. Số ?



5. Nối phép cộng với kết quả của phép cộng đó :

$16 + 7$

$26 + 8$

$56 + 6$

71

34

23

14

62

85

$6 + 8$

$66 + 5$

$76 + 9$

6. Điền dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào chỗ chấm :

a) $46 + 5 \dots 46 + 7$

b) $86 + 9 \dots 86 + 6$

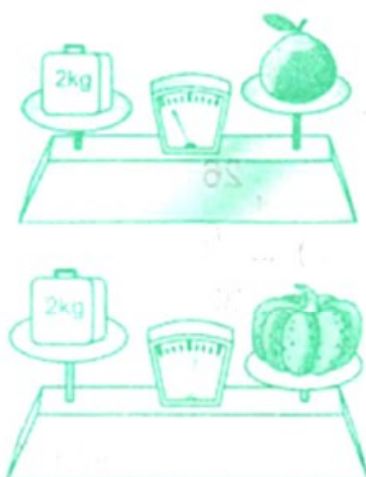
c) $36 + 8 \dots 38 + 6$

d) $26 + 4 \dots 24 + 6$

e) $56 + 7 \dots 46 + 16$

g) $76 + 7 \dots 66 + 18$

7. Đúng ghi Đ, sai ghi S :



a) Quả bưởi nặng hơn 2 kg ☐

b) Quả dưa nặng hơn 2 kg ☐

c) Quả bưởi nhẹ hơn 2 kg ☐

d) Quả dưa nhẹ hơn 2 kg ☐

e) Quả bưởi nặng hơn quả dưa ☐

g) Quả dưa nặng hơn quả bưởi ☐

8. Em cân nặng 26kg, anh nặng hơn em 9kg. Hỏi anh cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Bài giải

.....
.....
.....

9. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Hà nặng hơn Sơn và Sơn nặng hơn Bình.

a) Hà nặng nhất ☐

d) Bình nặng nhất ☐

b) Sơn nặng nhất ☐

e) Hà nhẹ nhất ☐

c) Bình nhẹ nhất ☐

g) Ba bạn cân nặng bằng nhau ☐

TUẦN 8

PHÉP CỘNG CÓ DẠNG $26 + 45$. BẢNG CỘNG. PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 100

* Phép cộng có dạng $26 + 45$

Chục	Đơn vị
2	6
+	5
4	1

* Phép cộng có tổng bằng 100

Trăm	Chục	Đơn vị
	6	9
+	3	1
1	0	0

* Bảng cộng

$9 + 2 = 11$

$8 + 3 = 11$

$7 + 4 = 11$

$6 + 5 = 11$

$9 + 3 = 12$

$8 + 4 = 12$

$7 + 5 = 12$

$6 + 6 = 12$

$9 + 4 = 13$

$8 + 5 = 13$

$7 + 6 = 13$

$9 + 5 = 14$

$8 + 6 = 14$

$7 + 7 = 14$

$9 + 6 = 15$

$8 + 7 = 15$

$7 + 8 = 15$

$9 + 7 = 16$

$8 + 8 = 16$

$7 + 9 = 16$

$9 + 8 = 17$

$8 + 9 = 17$

$9 + 9 = 18$

LUYỆN TẬP 1

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 26 \\ + 25 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 16 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 17 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 56 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 66 \\ + 29 \\ \hline \end{array}$$

.....

2. Đặt tính rồi tính tổng của hai số hạng sau :

a) 26 và 28

.....
.....
.....

b) 46 và 19

.....
.....
.....

c) 56 và 27

.....
.....
.....

d) 36 và 26

.....
.....
.....

3. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	46	36	16	26	16
Số hạng	5	6	37	48	59
Tổng					

4. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $\begin{array}{r} 26 \\ + 7 \\ \hline 96 \end{array}$ ☐

b) $\begin{array}{r} 36 \\ + 9 \\ \hline 45 \end{array}$ ☐

c) $\begin{array}{r} 26 \\ + 19 \\ \hline 35 \end{array}$ ☐

d) $\begin{array}{r} 46 \\ + 18 \\ \hline 64 \end{array}$ ☐

5. Nối phép cộng với kết quả của phép cộng đó :

$46 + 9$

$56 + 14$

$76 + 5$

55

81

73

92

74

70

$86 + 6$

$56 + 18$

$36 + 37$

6. Khoanh vào chữ đặt trước đáp số đúng :

Anh Bắc cân nặng 45kg, anh Nam nặng hơn anh Bắc 7kg. Hỏi anh Nam cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

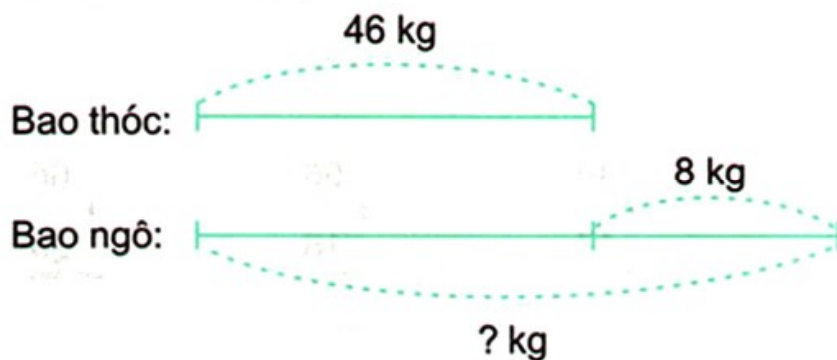
A. 52kg

B. 42kg

C. 38kg

D. 53kg

7. Giải bài toán theo tóm tắt sau :



Bài giải

.....

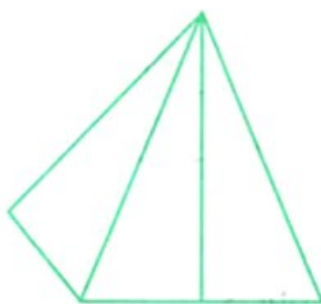
.....

.....

8. Đố vui. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Hình vẽ bên có :

- a) ... hình tam giác
- b) ... hình tứ giác



LUYỆN TẬP 2

1. Tính nhẩm :

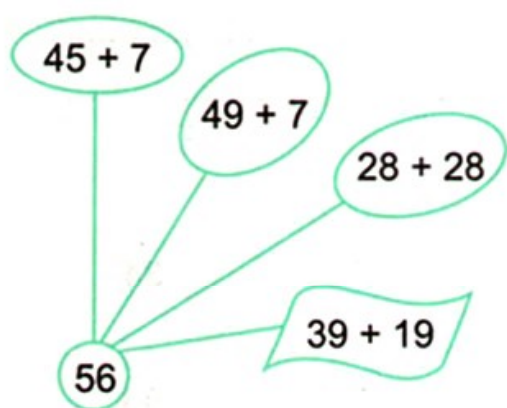
- | | | | |
|--------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| a) $9 + 5 = \dots$ | $9 + 7 = \dots$ | $9 + 3 = \dots$ | $9 + 8 = \dots$ |
| $5 + 9 = \dots$ | $7 + 9 = \dots$ | $3 + 9 = \dots$ | $8 + 9 = \dots$ |
| b) $8 + 7 = \dots$ | $8 + 6 = \dots$ | $8 + 5 = \dots$ | $8 + 4 = \dots$ |
| $7 + 8 = \dots$ | $6 + 8 = \dots$ | $5 + 8 = \dots$ | $4 + 8 = \dots$ |
| c) $7 + 6 = \dots$ | $7 + 4 = \dots$ | $7 + 5 = \dots$ | $7 + 7 = \dots$ |
| $6 + 7 = \dots$ | $4 + 7 = \dots$ | $5 + 7 = \dots$ | $7 + 3 = \dots$ |

2. Tính :

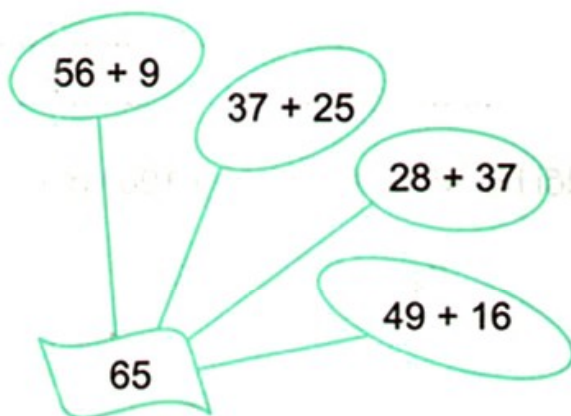
- | | | |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| $9 + 5 + 1 = \dots$ | $4 + 7 + 1 = \dots$ | $6 + 2 + 5 = \dots$ |
| $9 + 6 = \dots$ | $4 + 8 = \dots$ | $6 + 7 = \dots$ |

3. Tô màu phép cộng :

a) Có tổng bằng 56



b) Có tổng bằng 65



4. Tính :

a)
$$\begin{array}{r} 46 \\ + 46 \\ \hline \end{array}$$

.....

b)
$$\begin{array}{r} 25 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$$

.....

c)
$$\begin{array}{r} 29 \\ + 38 \\ \hline \end{array}$$

.....

d)
$$\begin{array}{r} 7 \\ + 24 \\ \hline \end{array}$$

.....

e)
$$\begin{array}{r} 18 \\ + 13 \\ \hline \end{array}$$

.....

5. Tính :

$$\begin{array}{r} 25 \\ + \\ 75 \\ \hline \end{array}$$

a)

$$\begin{array}{r} 43 \\ + \\ 57 \\ \hline \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 24 \\ + \\ 76 \\ \hline \end{array}$$

c)

$$\begin{array}{r} 12 \\ + \\ 88 \\ \hline \end{array}$$

d)

$$\begin{array}{r} 71 \\ + \\ 29 \\ \hline \end{array}$$

e)

6. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $63 + 47 = 100$ ☐

b) $56 + 44 = 100$ ☐

c) $32 + 68 = 100$ ☐

d) $41 + 69 = 100$ ☐

7. Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

a) 46 và 29

b) 15 và 85

c) 51 và 49

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8. Sọt thứ nhất có 85 quả cam, sọt thứ hai có nhiều hơn sọt thứ nhất 15 quả cam.
Hỏi sọt thứ hai có bao nhiêu quả cam ?

Bài giải

.....
.....
.....

9. Nối hai số có tổng bằng 100 với nhau :

72

75

49

17

34

51

66

28

25

83

* Lít viết tắt là l

$$9\text{ l} + 8\text{ l} = 17\text{ l}$$

$$15\text{ l} - 3\text{ l} = 12\text{ l}$$

* Trong giải toán ta viết :

$$9 + 8 = 17\text{ (l)}$$

$$15 - 3 = 12\text{ (l)}$$

* Tìm một số hạng trong một tổng

Muốn tìm một số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

$$x + 2 = 10$$

$$x + 8 = 10$$

$$x = 10 - 2$$

$$x = 10 - 8$$

$$x = 8$$

$$x = 2$$

LUYỆN TẬP 1

1. Viết vào chỗ chấm (theo mẫu):

a) Bốn lít viết là 4 l

b) 12 l đọc là: Mười hai lít

- Bảy lít viết là:

40 l đọc là:

- Mười lăm lít viết là:

55 l đọc là:

- Hai mươi lăm lít viết là:

23 l đọc là:

2. Tính:

a) $5\text{ l} + 9\text{ l} = \dots\dots$

$36\text{ l} + 17\text{ l} = \dots\dots$

$2\text{ l} + 4\text{ l} + 8\text{ l} = \dots\dots$

b) $18\text{ l} - 7\text{ l} = \dots\dots$

$29\text{ l} - 9\text{ l} = \dots\dots$

$54\text{ l} - 1\text{ l} - 2\text{ l} = \dots\dots$

3.

$$67 \xrightarrow{+13} \square \xrightarrow{+20} \square$$

$$78 \xrightarrow{+9} \square \xrightarrow{-23} \square$$

4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :



a) Còn l nước



b) Còn l nước



c) Còn l nước

5. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $45\text{ l} - 12\text{ l} + 20\text{ l} = 53\text{ l}$ ☐

b) $78\text{ l} - 35\text{ l} - 20\text{ l} = 33\text{ l}$ ☐

6. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Thùng thứ nhất : 76 l dầu

Thùng thứ hai nhiều hơn thùng thứ nhất : 8 l dầu

Thùng thứ hai : lít dầu?

Bài giải

.....
.....
.....

7. Một quầy hàng lần đầu bán được 45 kg gạo, lần sau bán 55 kg gạo. Hỏi cả hai lần quầy hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?

Bài giải

.....
.....
.....

8. Có một cái can chứa được 15 l nhưng trong can mới chỉ có 12 l nước mắm. Hỏi cần đổ thêm mấy lít nước mắm nữa thì can mới đầy nước mắm?

Bài giải

.....
.....
.....

LUYỆN TẬP 2

1. Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

- | | | | |
|-------------|-------------|-------------|-------------|
| a) 19 và 25 | b) 48 và 27 | c) 56 và 18 | d) 45 và 36 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

a) Tổng của 23kg và 59kg là :

- A. 72kg B. 82kg C. 26kg D. 36kg

b) Hiệu của 45 lít và 12 lít là :

- A. 67 l B. 57 l C. 33 l D. 23 l

3. Tìm x :

a) $x + 4 = 16$

..... =

..... =

b) $14 + x = 58$

..... =

..... =

c) $x + 23 = 89$

..... =

..... =

d) $37 + x = 88$

..... =

..... =

4. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	15		21	17
Số hạng	9	32		39
Tổng		96	85	

5. Số ?



..... kg



..... l

6. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $x + 8 = 49$

$x = 49 - 8$

$x = 41$ ☐

b) $x + 8 = 49$

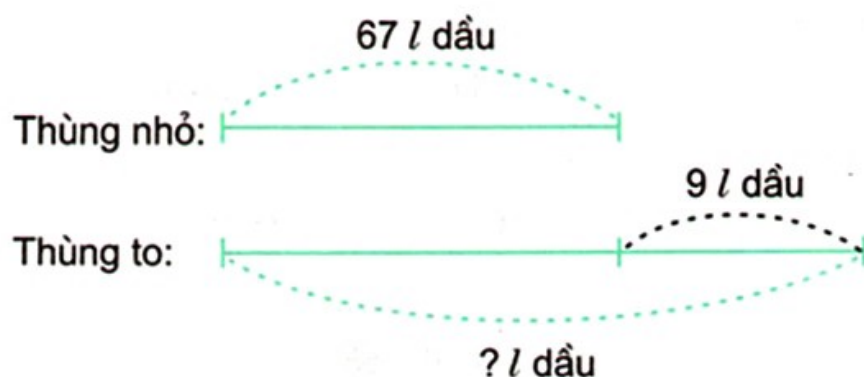
$x = 49 + 8$

$x = 57$ ☐

7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $\begin{array}{c} 16 \\ + \\ 17 \end{array} \rightarrow \dots$ b) $\begin{array}{c} 42 \\ + \\ \dots \end{array} \rightarrow 65$ c) $\begin{array}{c} 34 \\ + \\ \dots \end{array} \rightarrow 96$ d) $\begin{array}{c} 18 \\ + \\ 18 \end{array} \rightarrow \dots$

8. Giải bài toán theo tóm tắt sau:



Bài giải

.....

9. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng :



Túi gạo cân nặng là:

A. 2kg

B. 5kg

C. 6kg

D. 7kg

TỰ ÔN TẬP, KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

KIỂM TRA TẬP TRUNG VÀO CÁC NỘI DUNG SAU:

- Kỹ năng thực hiện phép cộng qua 10, cộng có nhớ trong phạm vi 100.
- Nhận dạng hình chữ nhật, nối các điểm cho trước để có hình chữ nhật.
- Giải toán có lời văn dạng nhiều hơn, ít hơn, liên quan tới đơn vị: kg, l.

BÀI TỰ KIỂM TRA

1. Nối mỗi số với cách đọc số đó :

Bảy mươi lăm

Sáu mươi tám

Chín mươi chín

Hai mươi mốt

68

99

21

75

2. Đặt tính rồi tính :

a) $29 + 25$

.....
.....
.....

b) $48 + 27$

.....
.....
.....

c) $36 + 24$

.....
.....
.....

d) $47 + 16$

.....
.....
.....

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $23\text{kg} + 17\text{kg} = 40\text{kg}$

☐

b) $47\text{kg} - 13\text{kg} = 34\text{kg}$

☐

c) $19\text{kg} + 27\text{kg} = 36\text{kg}$

☐

d) $96\text{kg} - 60\text{kg} = 30\text{kg}$

☐

4. Số ?

a) $37 \xrightarrow{+8} \square \xrightarrow{+7} \square$

b) $69 \xrightarrow{-5} \square \xrightarrow{+27} \square$

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Hình nào dưới đây là hình chữ nhật?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

6. Thùng nhỏ đựng 45 l dầu, thùng to đựng nhiều hơn thùng nhỏ 8 l. Hỏi thùng to đựng bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

.....
.....
.....

7. Chị Hồng cân nặng 48kg. Nga nhẹ hơn chị Hồng 16kg. Hỏi Nga cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....
.....
.....

* Số tròn chục trừ đi một số

Chục	Đơn vị
8	0
-	7
7	3

Chục	Đơn vị
8	0
-	2
5	3

* 11 trừ đi một số

$11 - 2 = 9$

$11 - 3 = 8$

$11 - 4 = 7$

$11 - 5 = 6$

$11 - 9 = 2$

$11 - 8 = 3$

$11 - 7 = 4$

$11 - 6 = 5$

* Tính nhẩm

$11 - 7 = ? \quad \begin{cases} 11 - 1 = 10 \\ 10 - 6 = 4 \end{cases}$



* Phép trừ có dạng $11 - 5$; $31 - 5$; $51 - 15$

Chục	Đơn vị
1	1
-	5
	6

Chục	Đơn vị
3	1
-	5
2	6

Chục	Đơn vị
5	1
-	15
3	6

LUYỆN TẬP 1

1. Đặt tính rồi tính :

a) $20 - 1$

.....
.....
.....

$20 - 9$

.....
.....
.....

$30 - 8$

.....
.....
.....

$30 - 2$

.....
.....
.....

b) $50 - 23$

.....

.....

.....

$50 - 27$

.....

.....

.....

$60 - 34$

.....

.....

.....

$60 - 26$

.....

.....

.....

2. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	8		5	
Số hạng		8		5
Tổng	11	11	11	11

3. Nối phép trừ với kết quả của phép tính đó :

$11 - 4$

$11 - 6$

$11 - 8$

4

5

7

3

8

6

$11 - 3$

$11 - 7$

$11 - 5$

4. Một thanh gỗ dài 6dm bị cắt đi 5cm. Hỏi thanh gỗ còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

5. Điền số thích hợp vào ô trống :

a)

		2		
		+		
11	-	9	=	
		=		

b)

		3		
		+		
11	-	8	=	
		=		

c)

+
11 - 5 =
=
11

d)

5
+
11 - =
=
11

LUYỆN TẬP 2

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 31 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 41 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 71 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 51 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 91 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 21 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 81 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

.....

2. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 31 và 4

.....
.....
.....

b) 31 và 7

.....
.....
.....

c) 71 và 5

.....
.....
.....

d) 71 và 6

.....
.....
.....

3. Tính :

$$\begin{array}{r} 21 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 61 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 31 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 71 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 41 \\ - 14 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 81 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 51 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 91 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$$

.....

4. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 71 và 13

b) 71 và 58

c) 61 và 24

d) 61 và 37

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Tìm x :

a) $18 + x = 81$

..... =

..... =

b) $x + 17 = 90 - 19$

$x + 17 = 71$

..... =

..... =

6. Lớp 2A có 41 bạn, nhiều hơn lớp 2B là 3 bạn. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu bạn?

Bài giải

.....

.....

.....

7. Điền số thích hợp vào ô trống :

a)

5	+		=	11
		+		
		2		
		=		
11	-		=	

b)

	+	28	=	51
		+		
		=		
90	-	51	=	

8. Điền mỗi chữ số 2 ; 3 ; 4 vào một ô trống để được phép tính đúng :

+	
	7
	1

	1
-	
	7

PHÉP TRỪ CÓ DẠNG $12 - 8$; $32 - 8$; $52 - 28$

* 12 trừ đi một số

$12 - 3 = 9$

$12 - 4 = 8$

$12 - 5 = 7$

$12 - 6 = 6$

$12 - 9 = 3$

$12 - 8 = 4$

$12 - 7 = 5$

Tính nhẩm :

$$12 - 8 = ? \quad \begin{cases} 12 - 2 = 10 \\ 10 - 6 = 4 \end{cases}$$



* Phép trừ có dạng $32 - 8$; $52 - 28$

Chục	Đơn vị
3	2
-	8
2	4

Chục	Đơn vị
5	2
-	8
2	4

LUYỆN TẬP 1

1. Tính nhẩm rồi viết kết quả vào chỗ trống :

$9 + 3 =$	$8 + 4 =$	$7 + 5 =$
$3 + 9 =$	$4 + 8 =$	$5 + 7 =$
$12 - 9 =$	$12 - 8 =$	$12 - 7 =$
$12 - 3 =$	$12 - 4 =$	$12 - 5 =$

$6 + 6 =$

$12 - 6 =$

2. Tính nhẩm rồi viết kết quả vào chỗ trống :

$12 - 3 =$	$12 - 4 =$	$12 - 5 =$
$12 - 2 - 1 =$	$12 - 2 - 2 =$	$12 - 2 - 3 =$

3. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	9	3		
Số hạng			4	8
Tổng	12	12	12	12

4. Nối phép trừ với kết quả của phép trừ đó :

$$12 - 5$$

$$12 - 4$$

$$12 - 9$$

8

7

9

3

5

4

6

$$12 - 7$$

$$12 - 8$$

$$12 - 3$$

5. Mẹ mua cho Hà một hộp bút chì màu có 12 chiếc. Hà đã dùng 3 chiếc bút chì màu. Hỏi Hà còn lại bao nhiêu chiếc bút chì màu chưa dùng?

Bài giải

.....

6. Điền số thích hợp vào ô trống :

a)

		3		
		+		
12	-	9	=	
		=		

b)

		4		
		+		
12	-	8	=	
		=		

c)

5
+
12
-
=
=
12

d)

6
+
12
-
=
=
12

LUYỆN TẬP 2

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 32 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 42 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 82 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 92 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

.....

2. Tìm x :

a) $x + 8 = 32$

..... =

..... =

b) $9 + x = 51 - 9$

$9 + x = 42$

..... =

..... =

3. Tính :

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 54 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 27 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 49 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 92 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 92 \\ - 56 \\ \hline \end{array}$$

.....

4. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 42 và 24

b) 42 và 18

c) 32 và 9

d) 32 và 23

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Tìm x :

a) $27 + x = 72$

b) $x + 28 = 90 - 8$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Một người bán được 42kg gạo tẻ, nhiều hơn số gạo nếp bán được là 27kg.
Hỏi người đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp?

Bài giải

.....

.....

.....

7. Điền số thích hợp vào ô trống :

12	-	4	=	
----	---	---	---	--

+

=

12	-	7	=	
----	---	---	---	--

	+	23	=	62
--	---	----	---	----

+

=

81	-	62	=	
----	---	----	---	--

8. Điền số thích hợp vào ô trống là các hình (các hình giống nhau có số giống nhau ; hình khác nhau có số khác nhau) :

+ = 24

+ = 19

- =

* Tìm số bị trừ

Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

$$x - 3 = 5$$

$$x = 5 + 3$$

$$x = 8$$

* 13 trừ đi một số

$$13 - 4 = 9$$

$$13 - 5 = 8$$

$$13 - 6 = 7$$

$$13 - 9 = 4$$

$$13 - 8 = 5$$

$$13 - 7 = 6$$

Tính nhẩm :

$$13 - 5 = ? \quad \begin{cases} 13 - 3 = 10 \\ 10 - 2 = 8 \end{cases}$$



* Phép trừ có dạng $33 - 5$; $53 - 15$

Chục	Đơn vị
3	3
-	5
2	8

Chục	Đơn vị
5	3
-	15
3	8

LUYỆN TẬP 1

1. Tìm x:

a) $x - 5 = 9$

.....
.....
.....

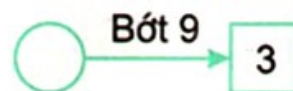
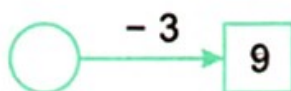
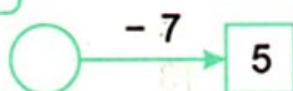
b) $x - 15 = 19$

.....
.....
.....

c) $x - 13 = 77$

.....
.....
.....

2. Số ?



3. Tính nhẩm rồi viết kết quả vào chỗ trống và ô trống :

a)

$9 + 4 =$	$8 + 5 =$	$7 + 6 =$
$4 + 9 =$	$5 + 8 =$	$6 + 7 =$
$13 - 9 =$	$13 - 8 =$	$13 - 7 =$
$13 - 4 =$	$13 - 5 =$	$13 - 6 =$

b) $13 - 5 =$

$13 - 8 =$

$13 - 3 - 2 =$

$13 - 3 - 5 =$

4. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 13 và 5

b) 13 và 8

c) 13 và 9

d) 13 và 4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Từ một phép cộng hãy viết hai phép trừ thích hợp (theo mẫu) :

Mẫu:

9	+	4	=	
13	-		=	
13	-		=	

9	+	4	=	13
13	-	4	=	9
13	-	9	=	4

8	+	5	=	
13	-		=	
13	-		=	

	+	6	=	13
	-	6	=	
	-	7	=	

6. Điền số thích hợp vào ô trống :

a)

	-	9	=	4
		+		
13	-		=	
		=		
		13		

b)

	-		=	5
		+		
13	-	5	=	
		=		
		13		

LUYỆN TẬP 2

1. Tính:

$$\begin{array}{r} 53 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 53 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

2. Đặt tính rồi tính, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 83 và 38

.....
.....
.....

b) 83 và 45

.....
.....
.....

c) 93 và 54

.....
.....
.....

d) 93 và 39

.....
.....
.....

3. Tìm x :

a) $x + 27 = 53$

.....
.....

b) $x + 18 = 72 - 19$

.....
.....
.....

c) $x - 27 = 53$

.....
.....

d) $x - 18 = 72 - 19$

.....
.....
.....

4. Tính :

a) $43 - 8 - 5 = \dots\dots$

$43 - 13 = \dots\dots$

c) $53 - 7 - 6 = \dots\dots$

$53 - 13 = \dots\dots$

b) $73 - 5 - 8 = \dots\dots$

$73 - 13 = \dots\dots$

d) $53 - 6 - 7 = \dots\dots$

$53 - 13 = \dots\dots$

5. Mẹ 33 tuổi. Mẹ hơn con 26 tuổi. Hỏi con bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....
.....
.....

6. Nhà bạn Hà nuôi một đàn gà. Chị của Hà nói: "Nếu mẹ mua thêm 15 con gà nữa thì nhà ta sẽ có 43 con gà". Hỏi hiện nay nhà bạn Hà nuôi bao nhiêu con gà?

Bài giải

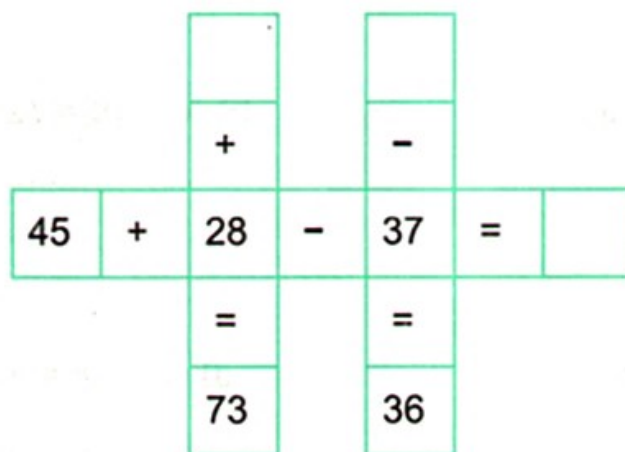
.....

7. a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

$$34 + 9 - 18 = \dots\dots$$

$$45 + 28 - 39 = \dots\dots$$

- b) Số ?



- c) Số ?



* 14 trừ đi một số

$14 - 5 = 9$

$14 - 6 = 8$

$14 - 7 = 7$

$14 - 9 = 5$

$14 - 8 = 6$

Tính nhẩm :

$14 - 9 = ? \quad \begin{cases} 14 - 4 = 10 \\ 10 - 5 = 5 \end{cases}$

$14 \xrightarrow{-4} \square \xrightarrow{-5} \square$

Chục	Đơn vị
1	4
-	8
	6

Chục	Đơn vị
3	4
-	8
2	6

Chục	Đơn vị
5	4
-	1
3	6

* 15 ; 16 ; 17 ; 18 trừ đi một số

$15 - 6 = 9$

$15 - 9 = 6$

$15 - 7 = 8$

$15 - 8 = 7$

$16 - 7 = 9$

$16 - 9 = 7$

$16 - 8 = 8$

$17 - 8 = 9$

$17 - 9 = 8$

$18 - 9 = 9$

Tính nhẩm :

$15 - 9 = ?$

$16 - 7 = ?$

$17 - 8 = ?$

$18 - 9 = ?$

$\begin{cases} 15 - 5 = 10 \\ 10 - 4 = 6 \end{cases}$

$\begin{cases} 16 - 6 = 10 \\ 10 - 1 = 9 \end{cases}$

$\begin{cases} 17 - 7 = 10 \\ 10 - 1 = 9 \end{cases}$

$\begin{cases} 18 - 8 = 10 \\ 10 - 1 = 9 \end{cases}$

LUYỆN TẬP 1

1. Tính nhẩm rồi viết kết quả vào chỗ trống :

$9 + 5 =$	$8 + 6 =$	
$5 + 9 =$	$6 + 8 =$	$7 + 7 =$
$14 - 9 =$	$14 - 8 =$	$14 - 7 =$
$14 - 5 =$	$14 - 6 =$	

2. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

54 và 5

.....

.....

.....

54 và 9

.....

.....

.....

84 và 8

.....

.....

.....

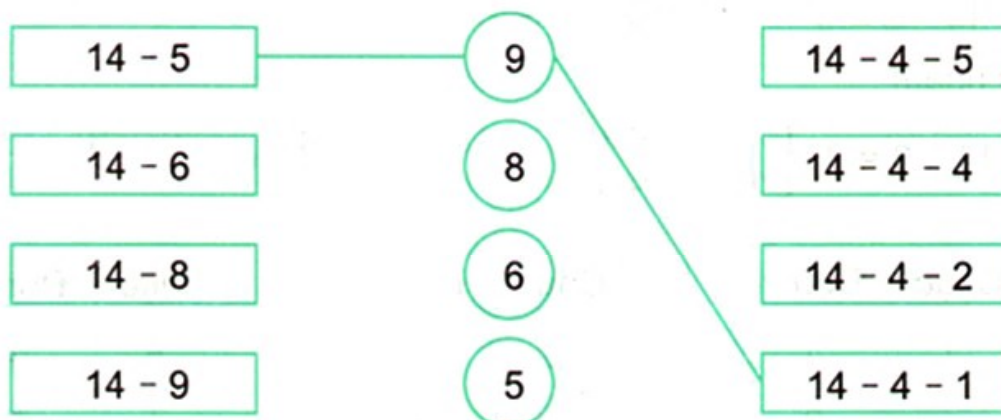
84 và 6

.....

.....

.....

3. Nối các phép tính có kết quả tính bằng nhau (theo mẫu) :



4. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Có : 24 con thỏ.

Bán : 6 con thỏ.

Còn : ... con thỏ ?

Bài giải

.....

5. Điền số thích hợp vào ô trống :

a)

15	-		=	
		+		
15	-	6	=	
		=		
		15		

b)

15	-	8	=	
		+		
15	-		=	
		=		
		15		

c)

16	-	9	=	
		+		
16	-		=	
		=		
		16		

d)

17	-		=	
		+		
18	-	9	=	
		=		
		17		

LUYỆN TẬP 2

1. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

64 và 46	64 và 18	94 và 45	94 và 49
.....			
.....			
.....			

2. Tìm x :

a) $47 + x = 74$

.....
.....

b) $x + 48 = 93 - 9$

.....
.....
.....

3. Một người có 44 kg gạo tẻ và có số gạo nếp ít hơn số gạo tẻ là 18 kg. Hỏi người đó có bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp?

Bài giải

.....
.....
.....

4. Bà 54 tuổi. Bà hơn mẹ 25 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....
.....
.....

5. Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $\square \xrightarrow{+9} \square \xrightarrow{+4} 20$

b) $\square \xrightarrow{\text{thêm } 9} \square \xrightarrow{\text{thêm } 4} 20$

6. Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $93 \xrightarrow{-39} \square \xrightarrow{-45} \square$

b) $93 \xrightarrow{-45} \square \xrightarrow{-39} \square$

7. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $34 - 15 + 5$

$= 34 - 20$

$= 14$ ☐

b) $34 - 15 + 5$

$= 19 + 5$

$= 24$ ☐

8. Số ?

		94				
		-		+		
94	-	9	-	8	=	
		=		=		
				85		

9. Tính :

$5 \text{ dm} + 14 \text{ cm} + 6 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

10. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

Năm nay bố hơn con 34 tuổi. Hỏi 6 năm sau nữa bố hơn con bao nhiêu tuổi ?

a) 40 tuổi ☐

b) 28 tuổi ☐

c) 34 tuổi ☐

55 - 8 ; 56 - 7 ; 37 - 8 ; 68 - 9
65 - 38 ; 46 - 17 ; 57 - 28 ; 78 - 29. BẢNG TRỪ

* Phép trừ có dạng 55 - 8 ; 65 - 38

Chục	Đơn vị
5	5
-	8
4	7

Chục	Đơn vị
6	5
-	3
2	7

* Tìm một số hạng của tổng

Muốn tìm một số hạng
ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

$$x + 2 = 5$$

$$x = 5 - 2$$

$$x = 3$$

$$2 + x = 5$$

$$x = 5 - 2$$

$$x = 3$$

* Tìm số bị trừ

Muốn tìm số bị trừ
ta lấy hiệu cộng với số trừ.

$$x - 4 = 6$$

$$x = 6 + 4$$

$$x = 10$$

LUYỆN TẬP 1

1. Trừ nhẩm rồi điền kết quả
vào ô trống (theo mẫu):

Mẫu : $10 - 1 = 9$

$11 - 3 = 8$

$18 - 9 = 9$

Trừ	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	9								
2									
3		8							
4									
5									
6									
7									
8									
9									9

2. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

$45 - 6 =$	$55 - 7 =$	$65 - 8 =$	$75 - 9 =$
$56 - 7 =$	$66 - 8 =$	$76 - 9 =$	
$67 - 8 =$	$77 - 9 =$	$98 - 9 =$	

3. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

$9 + 6 =$	$9 + 7 =$	$9 + 8 =$	$8 + 7 =$
$6 + 9 =$	$7 + 9 =$	$8 + 9 =$	$7 + 8 =$
$15 - 9 =$	$16 - 9 =$	$17 - 9 =$	$15 - 8 =$
$15 - 6 =$	$16 - 7 =$	$17 - 8 =$	$15 - 7 =$

4. Mảnh vải xanh dài 85 dm. Mảnh vải đỏ ngắn hơn mảnh vải xanh là 7 dm.
Hỏi mảnh vải đỏ dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Bài giải

.....

5. Trong các số 9 ; 16 ; 18 ; 27, hãy chọn ba số thích hợp điền vào ô trống để được các phép tính với kết quả đúng :

a)

	+		=	
	+		=	

b)

	-		=	
	-		=	

LUYỆN TẬP 2

1. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

65 và 6

76 và 7

87 và 8

98 và 9

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Điền số thích hợp vào chỗ trống :

$59 + 36 =$	$18 + 68 =$	$78 + 9 =$	$9 + 89 =$
$36 + 59 =$	$68 + 18 =$	$9 + 78 =$	$89 + 9 =$
$95 - 59 =$	$86 - 18 =$	$87 - 78 =$	$98 - 9 =$
$95 - 36 =$	$86 - 68 =$	$87 - 9 =$	$98 - 89 =$

3. Một mảnh vải dài 76 dm. Hỏi sau khi cắt đi 18 dm thì mảnh vải còn lại dài bao nhiêu đề-xi-mét ?

Bài giải

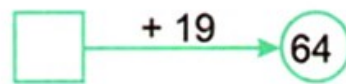
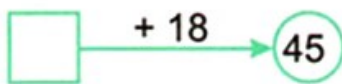
.....
.....
.....

4. Đàn gà có 56 con, trong đó có 19 con gà trống. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con gà mái?

Bài giải

.....
.....
.....

5. Số ?



6. Một người nuôi vịt nhầm tính rằng : Hôm nay đàn vịt đẻ được một số quả trứng ; nếu ngày mai đàn vịt đẻ được 17 quả trứng nữa thì cả hai ngày sẽ thu được 35 quả trứng. Hỏi hôm nay đàn vịt đẻ được bao nhiêu trứng?

Bài giải

.....
.....
.....

7. Điền số thích hợp vào ô trống :

	+		=	
+		-		-
	-	9	=	8
=		=		=
	-	8	=	57

8.

+
-

?

26		9		8	=	25
----	--	---	--	---	---	----

* 100 trừ đi một số

Trăm	Chục	Đơn vị
1	0	0
-	3	6
0	6	4

Trăm	Chục	Đơn vị
1	0	0
-		6
0	9	4

Trăm	Chục	Đơn vị
1	0	0
-	2	0
0	8	0

Tính nhẩm :

$$100 - 20 = ?$$

$$10 \text{ chục} - 2 \text{ chục} = 8 \text{ chục}$$

$$100 - 20 = 80$$

* Tìm số trừ

Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

$$5 - x = 3$$

$$x = 5 - 3$$

$$x = 2$$

* Đường thẳng

A B

|-----|

Đoạn thẳng AB

A B

|-----|

Đường thẳng AB

A B C

|-----|

Ba điểm A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng. A, B, C là ba điểm thẳng hàng.

LUYỆN TẬP 1

1. Đặt tính rồi tính hiệu :

$$100 - 59$$

.....
.....
.....

$$100 - 41$$

.....
.....
.....

$$100 - 2$$

.....
.....
.....

$$100 - 98$$

.....
.....
.....

2. Tính nhẩm :

$100 - 30 = \dots$

$100 - 40 = \dots$

$100 - 90 = \dots$

$100 - 70 = \dots$

$100 - 60 = \dots$

$100 - 10 = \dots$

3. Một người nuôi 100 con gà và vịt, trong đó có 68 con gà. Hỏi người đó nuôi bao nhiêu con vịt?

Bài giải

.....

4. Tìm x :

a) $35 - x = 18$

.....

b) $100 - x = 43$

.....

c) $92 - x = 45 - 16$

.....

d) $100 - x = 40 - 13$

.....

5. Tính :

a) $100 - 27 - 38 = \dots$
 $= \dots$

b) $100 - 38 - 27 = \dots$
 $= \dots$

c) $82 - 28 - 24 = \dots$
 $= \dots$

d) $82 - 24 - 28 = \dots$
 $= \dots$

6. Điền số thích hợp vào ô trống :

				100
				-
100	-		=	
				=
				38

				53
				-
53	-		=	
				=
				35

LUYỆN TẬP 2

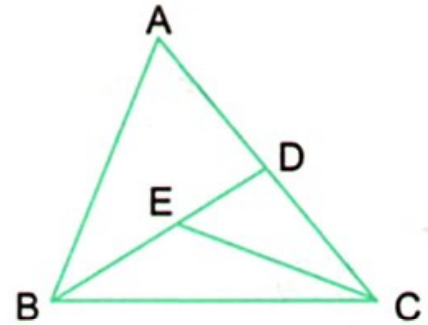
1. Kéo dài mỗi đoạn thẳng về hai phía để được đường thẳng :



2. Viết tên ba điểm thẳng hàng trong hình bên :

Ba điểm thẳng hàng là :

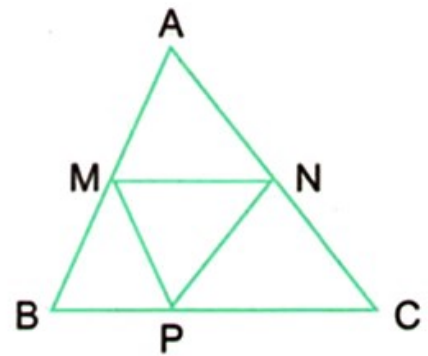
.....



3. Viết tên ba điểm thẳng hàng trong hình bên:

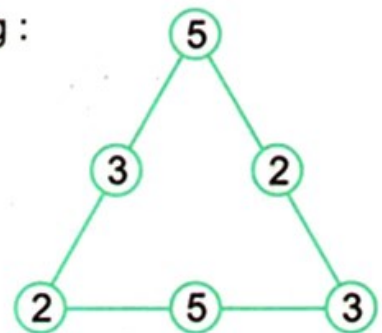
Ba điểm thẳng hàng là :

.....



4. Tính tổng của ba số cùng nằm trên một đường thẳng :

.....



5. Một người bán gạo buổi sáng bán được 75 kg gạo, nhiều hơn buổi chiều là 18 kg gạo. Hỏi buổi chiều người đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....

6. Số ?

62	-		=	26
-	X	-	X	-
	-		=	
=	X	=	X	=
26	-		=	7

100	-		=	75
-	X	-	X	-
	-		=	
=	X	=	X	=
75	-		=	68

7.

+
-

 ?

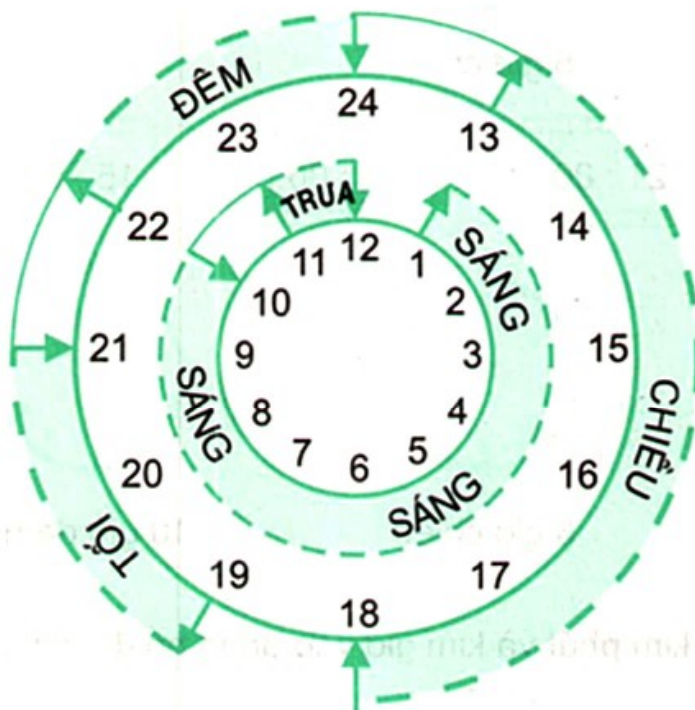
50		30		10	=	90
50		30		10	=	70
50		30		10	=	30
50		30		10	=	10

TUẦN 16

NGÀY, GIỜ. THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ. NGÀY, THÁNG. THỰC HÀNH XEM LỊCH

* Ngày, giờ – Đồng hồ

- Một ngày có 24 giờ.
- 24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.



* Một tuần lễ có 7 ngày:

Thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật.

LUYỆN TẬP 1

1. Số ?



Em đến trường
lúc giờ



Ra chơi
lúc giờ



Hết giờ học buổi
sáng lúc giờ

2. Nối hai đồng hồ chỉ cùng thời gian buổi chiều :



15 : 00

17 : 00



3. Nối hai đồng hồ cùng thời gian :



5 giờ chiều



9 giờ tối

21 : 00

13 : 00

15 : 00

17 : 00

22 : 00



3 giờ chiều



10 giờ đêm



1 giờ chiều

4. Vẽ kim phút và kim giờ vào đồng hồ để chỉ giờ đúng :



3 giờ chiều



10 giờ đêm



1 giờ chiều

5. Tính :

a) Thời gian từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa là :

12 giờ - 7 giờ =

b) Thời gian từ 12 giờ trưa đến 15 giờ là :

.....

c) Thời gian từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều là :

.....

LUYỆN TẬP 2

1. Đây là tờ lịch tháng 10 :

10	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
					1	2	3
							31

a) Viết tiếp các ngày còn thiếu vào tờ lịch tháng 10.

b) Tháng 10 có bao nhiêu ngày ?

c) Ngày Phụ nữ Việt Nam 20 - 10 là thứ mấy ?

d) Tháng 10 này có mấy ngày thứ bảy ? Đó là các ngày nào ?

Thứ bảy ngày 2 tháng 10,.....

e) Tháng 10 này có mấy ngày chủ nhật? Đó là các ngày nào ?

Chủ nhật ngày tháng 10,.....

g) Tuần này thứ hai là ngày 11 tháng 10.

Tuần trước, thứ hai là ngày tháng 10.

Tuần sau, thứ hai là ngày tháng

2. Dưới đây là hai tờ lịch tháng 11 và tháng 12 năm 2010.

11	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
		30					

Tháng 11 có 30 ngày.

Tháng 12 có 31 ngày.

12	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
					31		

a) Viết tiếp các ngày còn thiếu trong hai tờ lịch trên.

b) Ngày 1 tháng 12 là thứ mấy ?

c) Thứ hai tuần này là ngày 29 tháng 10.

Thứ hai tuần trước là ngày tháng

Thứ hai tuần sau là ngày tháng

d) Tháng 11 có mấy ngày thứ bảy ?

e) Tháng 12 có mấy ngày thứ sáu ?

g) Ngày 1 tháng 11 năm 2010 là thứ mấy ?

.....

• Quan hệ cộng trừ trong phạm vi 20

$9 + 6 = 15$

$8 + 9 = 17$

$7 + 6 = 13$

$9 + 4 = 13$

$6 + 9 = 15$

$9 + 8 = 17$

$6 + 7 = 13$

$4 + 9 = 13$

$15 - 6 = 9$

$17 - 9 = 8$

$13 - 6 = 7$

$13 - 4 = 9$

$15 - 9 = 6$

$17 - 8 = 9$

$13 - 7 = 6$

$13 - 9 = 4$

• Dạng : $9 + 6 = 9 + 1 + 5$;

$8 + 5 = 8 + 2 + 3$

• Dạng : $16 - 9 = 16 - 6 - 3$;

$15 - 8 = 15 - 5 - 3$

• Nhẩm : $100 - 60 = ?$

10 chục - 6 chục = 4 chục (Mười chục trừ sáu chục bằng bốn chục)

$100 - 60 = 40$

• Tìm x : $x + 17 = 20$

$x - 25 = 13$

$50 - x = 20$

$x = 20 - 17$

$x = 13 + 25$

$x = 50 - 20$

$x = 3$

$x = 38$

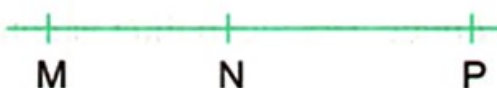
$x = 30$

• Nhận biết được : hình tròn ; hình vuông ; hình chữ nhật ; hình tứ giác.

• Đường thẳng



Đường thẳng MN



Ba điểm M, N, P cùng nằm trên một đường thẳng. M, N, P là 3 điểm thẳng hàng

• Biết đo độ dài đoạn thẳng có độ dài không quá 20cm. Vẽ đoạn thẳng có độ dài không quá 10cm.

LUYỆN TẬP 1

1. Tính nhẩm :

$9 + 5 =$	$8 + 6 =$	$7 + 8 =$	$7 + 6 =$
$5 + 9 =$	$6 + 8 =$	$8 + 7 =$	$6 + 7 =$
$14 - 5 =$	$14 - 6 =$	$15 - 7 =$	$13 - 6 =$
$14 - 9 =$	$14 - 8 =$	$15 - 8 =$	$13 - 7 =$

2. Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

a) 43 và 17

b) 38 và 25

c) 7 và 56

d) 24 và 76

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 51 và 27

b) 100 và 8

c) 80 và 42

d) 100 và 37

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. a) $\boxed{8} \xrightarrow{+2} \bigcirc \xrightarrow{+5} \bigcirc$

$8 + 7 =$

b) $\boxed{17} \xrightarrow{-5} \bigcirc \xrightarrow{-3} \bigcirc$

$17 - 8 =$

5. Tìm x :

a) $17 + x = 30$

b) $x - 25 = 17$

c) $60 - x = 23$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Thùng thứ nhất chứa được 78 l nước. Thùng thứ nhất chứa nhiều hơn thùng thứ hai 35 l nước. Hỏi thùng thứ hai chứa bao nhiêu lít nước ?

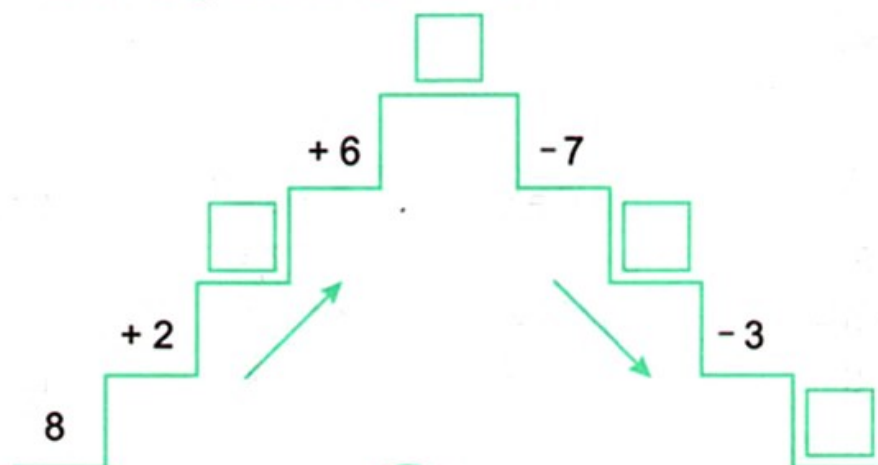
Bài giải

.....

.....

.....

7. Tính rồi điền vào ô trống theo chiều mũi tên :



LUYỆN TẬP 2

1. Nối hình (theo mẫu) :



Hình tứ giác

Hình tròn

Hình vuông

Hình chữ nhật

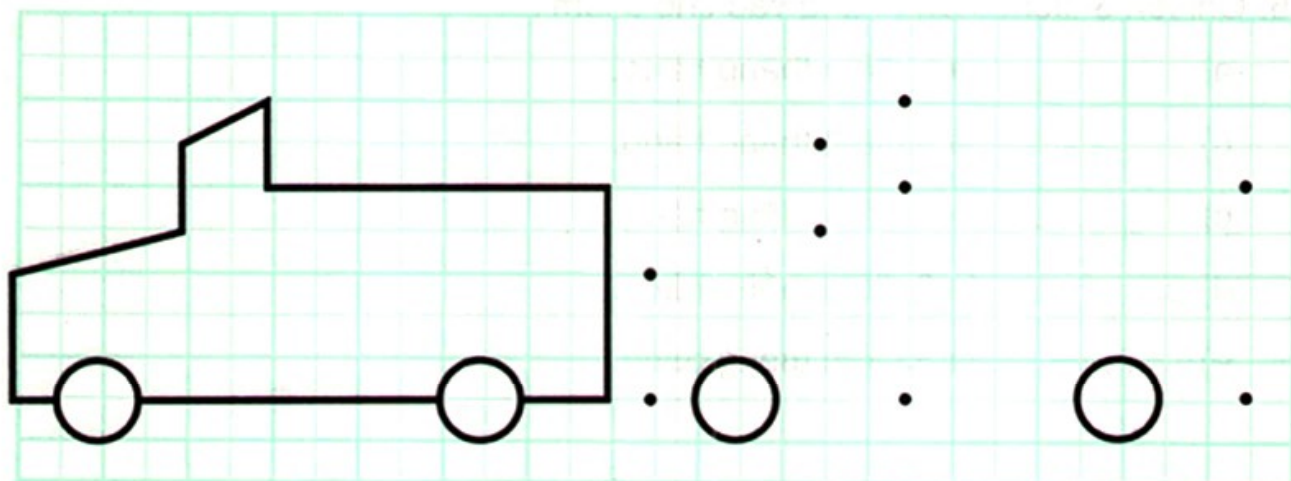


2. Dùng thước đo độ dài các đoạn thẳng rồi ghi số đo thích hợp vào chỗ chấm.

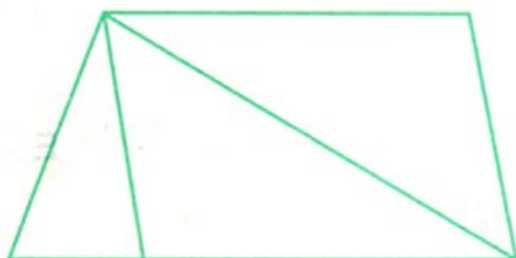
a) cm

b) dm

3. Vẽ hình theo mẫu :



4. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :



Số hình tứ giác có trong hình vẽ là:

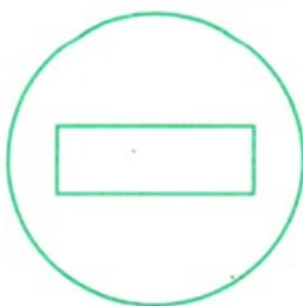
A. 1

B. 2

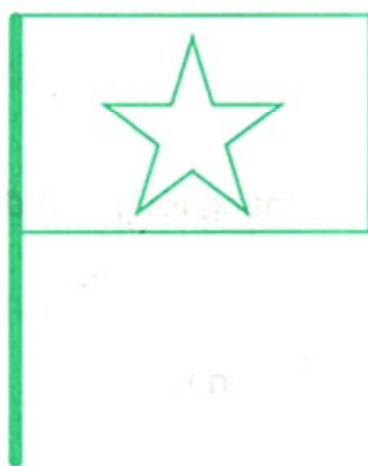
C. 3

D. 4

5. a) Tô màu đỏ vào phần hình tròn bên ngoài hình chữ nhật.

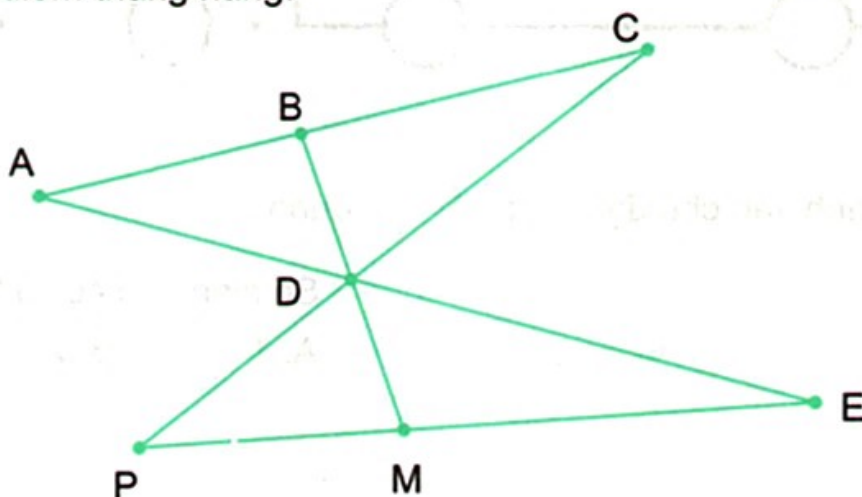


- b) Em tô màu vàng vào ngôi sao, tô màu đỏ vào hình chữ nhật ở bên ngoài ngôi sao để được lá cờ Tổ quốc.



6. Ghi tên 3 điểm thẳng hàng vào chỗ chấm :

- a);; là 3 điểm thẳng hàng.
b);; là 3 điểm thẳng hàng.
c);; là 3 điểm thẳng hàng.
d);; là 3 điểm thẳng hàng.
e);; là 3 điểm thẳng hàng.



- Ki-lô-gam, viết tắt là : kg
- Lít, viết tắt là : l
- Một ngày có 24 giờ.
- Tuần lễ có 7 ngày : Chủ nhật, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.
- Giải các bài toán về "nhiều hơn", "ít hơn".
- Nếu đổi chỗ các số hạng trong phép cộng thì tổng không thay đổi.

$$7 + 5 = 5 + 7; 75 + 18 = 18 + 75; 35 + 9 = 9 + 35$$

- Quan hệ giữa phép cộng và phép trừ :

$$7 + 5 = 12$$

$$18 + 7 = 25$$

$$12 - 5 = 7$$

$$25 - 7 = 18$$

$$12 - 7 = 5$$

$$25 - 18 = 7$$

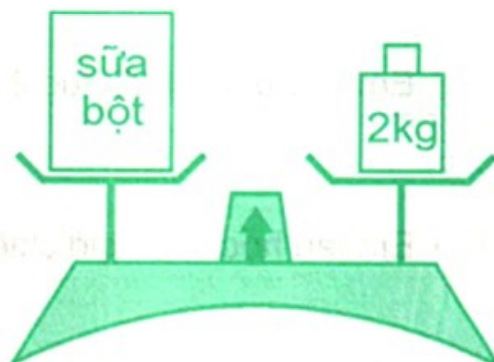
- Muốn tìm một số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.
- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

LUYỆN TẬP 1

1.



Quả dưa cân nặng kg



Hộp sữa cân nặng kg

Điền các từ "nặng hơn" hoặc "nhẹ hơn" vào chỗ chấm cho thích hợp.

- Quả dưa hộp sữa.

- Hộp sữa quả dưa.

2. Đây là tờ lịch tháng 10. Hãy ghi vào ô trống những ngày còn thiếu trong tháng, rồi điền tiếp vào chỗ chấm của các dòng sau những số, hoặc thứ thích hợp:

a) Tháng 10 có ngày.

b) Tháng 10 có ngày chủ nhật.

Đó là các ngày;;;

c) Ngày 1 tháng 10 là thứ

d) Ngày 31 tháng 10 là thứ

e) Em được nghỉ vào các ngày thứ

và các ngày

Tháng 10 em được nghỉ số ngày là

10	THỨ HAI		6	13	20	27
	THỨ BA		7			
	THỨ TƯ	1	8			
	THỨ NĂM	2			23	
	THỨ SÁU	3		17		31
	THỨ BẢY	4				
	CHỦ NHẬT	5			26	

3. Nói (theo mẫu) :

Em đi học lúc 7 giờ sáng

Em ăn trưa lúc 11 giờ

Em ra chơi lúc 9 giờ sáng

Em học buổi chiều lúc 2 giờ

Em tan học lúc 4 giờ chiều



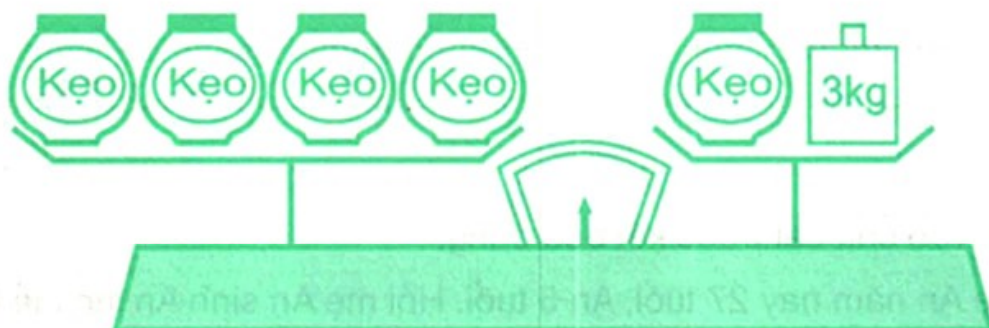
4. Điền vào dấu chấm ngày hoặc thứ thích hợp :

a) Tuần này, thứ sáu là ngày 20 tháng 11 thì thứ năm là ngày và chủ nhật là ngày

- b) Thứ hai là ngày 23 tháng 11 thì ngày 25 tháng 11 là thứ;
 ngày 21 tháng 11 là thứ
- c) Thứ hai là ngày 23 tháng 11 thì 7 ngày sau nữa là thứ
 ngày tháng.....

5. Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Gói kẹo cân nặng là : A. 1kg; B. 2 kg; C. 3kg; D. 4kg



LUYỆN TẬP 2

1. Trên bờ ao có 35 con vịt, dưới ao có 27 con vịt đang bơi. Hỏi đàn vịt có tất cả bao nhiêu con?

Bài giải

.....

.....

.....

2. Hoà cân nặng 35kg. Hoà nặng hơn Bình 6kg. Hỏi Bình cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



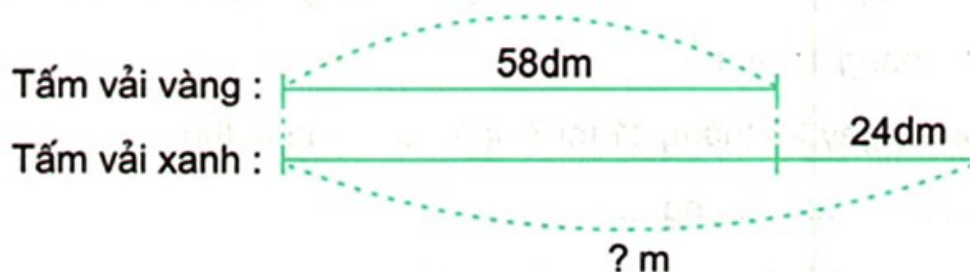
Bài giải

.....

.....

.....

3. Giải bài toán theo tóm tắt sau :



Bài giải

.....
.....
.....

4. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

- a) Mẹ An năm nay 27 tuổi, An 5 tuổi. Hỏi mẹ An sinh An lúc mẹ bao nhiêu tuổi?
A. 20 tuổi B. 21 tuổi C. 22 tuổi D. 23 tuổi
- b) Giang đang đọc một quyển truyện. Đột nhiên bạn phát hiện quyển truyện bị thiếu một số trang, bởi tiếp theo trang 46 là trang 73. Hỏi quyển truyện đó thiếu bao nhiêu trang?
A. 25 trang B. 26 trang C. 27 trang D. 28 trang

5. a) Hãy vẽ đoạn thẳng AB dài 7cm. Kéo dài đoạn thẳng AB để được đoạn thẳng AC dài 12cm.

Bài làm

.....

- b) Hãy vẽ đoạn thẳng MN dài 6cm. Kéo dài đoạn thẳng MN để được đoạn thẳng MP dài 1dm.

Bài làm

.....

6. Đặt tính rồi tính:

a) $25 + 47$

$34 + 17$

$88 + 8$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) $75 - 26$

.....

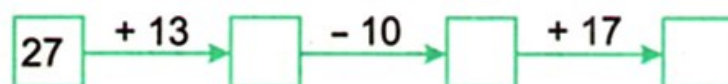
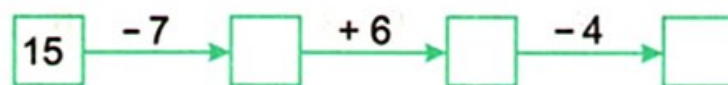
$80 - 17$

.....

$53 - 8$

.....

7. Số ?



8. Đố vui: Trong bảng dưới đây, cho biết số ở mỗi ô màu trắng là tổng của 2 số hạng có một chữ số tương ứng ở phần tô màu, một ở phía trên, một ở bên trái (chẳng hạn : 14 là tổng của 8 và 6). Điền tiếp các số hạng và tổng còn thiếu vào ô trống.

+				8
				10
		16	13	
		18		
6	11			14

BÀI TỰ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Thời gian làm bài : 40 phút

1. Nối phép tính với kết quả đúng (theo mẫu) :

$9 + 6$	$13 - 6$	$9 + 3$	$17 - 6$	$9 + 8$					
7	13	9	8	15	11	17	6	12	16
$14 - 6$	$9 + 4$	$15 - 6$	$9 + 7$	$12 - 6$					

2. Đặt tính rồi tính:

$36 + 25$	$73 - 27$	$47 + 33$	$60 - 28$
.....			
.....			
.....			

3. Tìm x :

$x + 25 = 55$	$x - 27 = 35$
.....	
.....	
.....	

4. Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Buổi sáng bán : 75kg gạo
Buổi chiều bán ít hơn buổi sáng : 17kg gạo
Buổi chiều bán : kg gạo?

Bài giải

.....
.....
.....

5. Xem tờ lịch tháng 11, trả lời câu hỏi:

a) Khoanh tròn vào các ngày thứ bảy.

Tháng 11 có ngày thứ bảy.

b) Tháng 11 chỉ có ngày.

c) Ngày 20 tháng 11 là ngày thứ

d) Sau ngày 30 tháng 11 là ngày 1 tháng

12. Ngày 1 tháng 12 là ngày thứ

e) Trước ngày 1 tháng 11 là ngày 31

tháng 10. Ngày 31 tháng 10 là ngày thứ

11	THỨ HAI		3	10	17	24
	THỨ BA		4	11	18	25
	THỨ TƯ		5	12	19	26
	THỨ NĂM		6	13	20	27
	THỨ SÁU		7	14	21	28
	THỨ BẢY	1	8	15	22	29
	CHỦ NHẬT	2	9	16	23	30

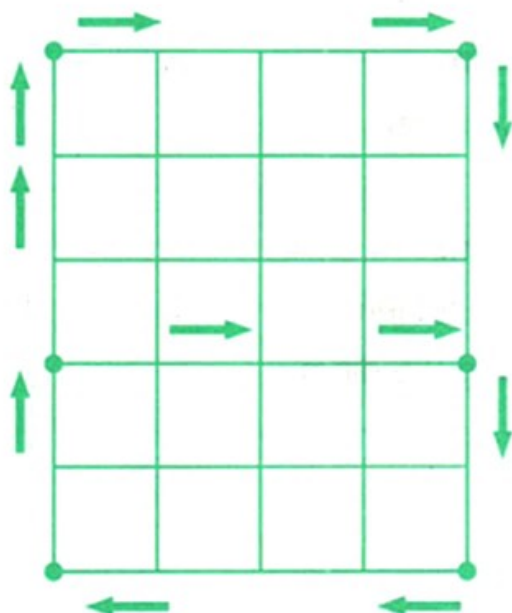
6.

a) Dùng thước và bút nối các điểm theo chiều các mũi tên để được các hình chữ nhật.

b) Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

Số hình chữ nhật có trong hình vẽ là:

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5



HƯỚNG DẪN CHO ĐIỂM

*** Bài 1 : 2,5 điểm**

Nối đúng mỗi kết quả được 0,25 điểm

*** Bài 2 : 2 điểm**

- Đặt tính đúng 0,25

- Tính đúng 0,25

*** Bài 3 : 1 điểm**

$x = 30$; $x = 62$. Mỗi kết quả 0,5 điểm

*** Bài 4 : 1,5 điểm**

*** Bài 5 : 2 điểm**

Mỗi câu 0,4 điểm

*** Bài 6 : 1 điểm**

- Nối đúng 0,5 điểm

- Trả lời đúng 0,5 điểm

HƯỚNG DẪN, ĐÁP SỐ

TUẦN

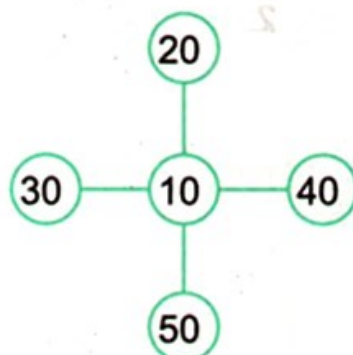
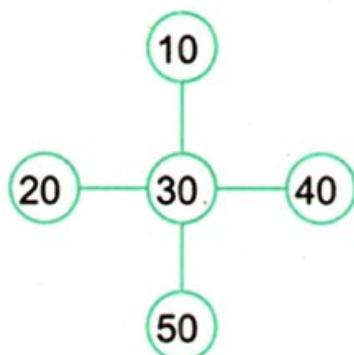
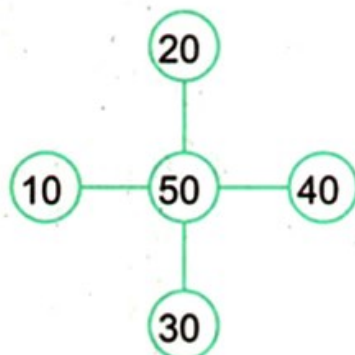
1

LUYỆN TẬP 1

1. a) 1 ; 3 ; 5 ; 8 ; 9 b) 12 ; 34 ; 46 ; 54 ; 87 ; 95 c) 95 d) 9.
2. a) 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 9 b) 9 bậc c) 9 d) 1 e) 9.
3. a) 17 b) 3 ; 4 ; 5 ; 7 ; 8 ; 9 ; 11 ; 14 ; 15 ; 16 ; 17 ; 18 ; 20 ; 23 ; 27 ;
28 ; 30 ; 31 ; 32 ; 34 ; 36 ; 38 ; 39
c) 10, đọc là : mười d) 40, đọc là : bốn mươi e) 18, đọc là : mười tám
g) 36, đọc là : ba mươi sáu.
6. 42 ; 55 ; 67 ; 84 ; 96.

LUYỆN TẬP 2

6.



7. 25 ; 35 ; 38 ; 58.

TUẦN

2

LUYỆN TẬP 1

5. a) 11dm; b) 20cm; c) 35dm.
7. a) Đ ; b) S ; c) S.
8. B. 23dm.

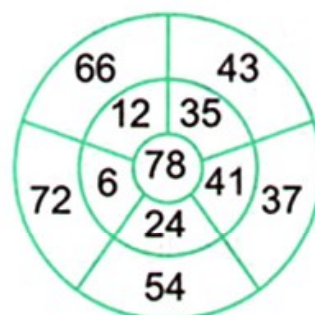
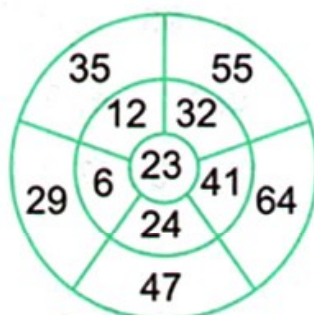
LUYỆN TẬP 2

6. a) 40 ; 50; 60 ; 70 ; 80. b) 52 ; 53 ; 54 ; 55 ; 56 ; 57 ; 58 ; 59.

7. a) 76 ; b) 99 ; c) 1 ; d) 9 ; e) 58 ; 59.

9. a) S ; b) Đ ; c) S ; d) Đ.

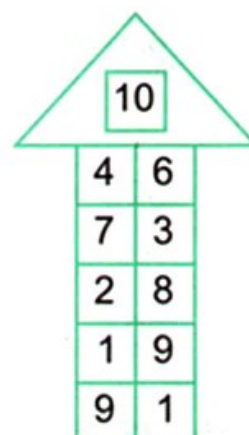
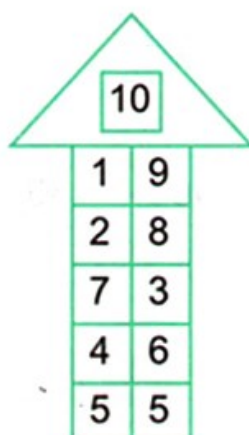
10.



TUẦN 3

LUYỆN TẬP 1

2.



$$\begin{array}{r} 4. \quad 23 \\ + \quad 7 \\ \hline 30 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ + \quad 8 \\ \hline 50 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \\ + \quad 6 \\ \hline 60 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + \quad 21 \\ \hline 40 \end{array}$$

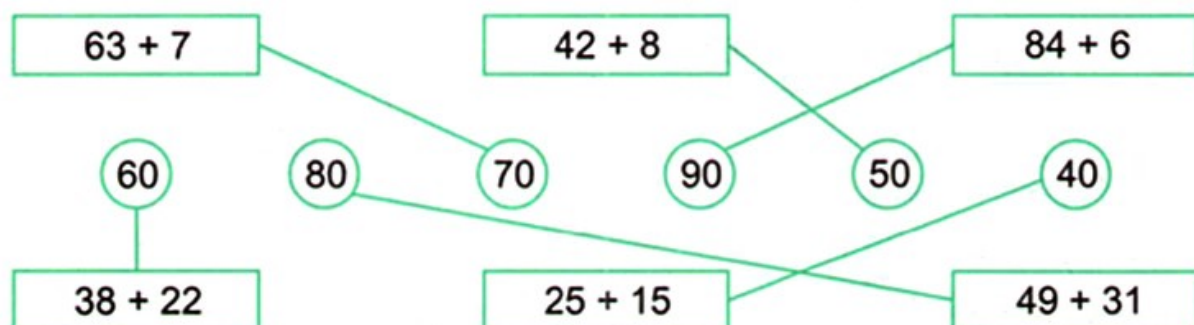
$$\begin{array}{r} 35 \\ + \quad 15 \\ \hline 50 \end{array}$$

5. A. ☐ Đ

B. ☐ S

C. ☐ Đ

6.



7. Cả hai lớp có số học sinh là :

$$28 + 32 = 60 \text{ (học sinh).}$$

Đáp số : 60 học sinh.

8. $8 + 22 = 30$

$11 + 19 = 30$

$13 + 17 = 30$

$15 + 15 = 30$

$14 + 16 = 30$

Lưu ý : Có nhiều cách viết khác.**LUYỆN TẬP 2**1. a) ☐ Đb) ☐ Sc) ☐ Sd) ☐ Đ

$$\begin{array}{r} 32 \\ + 38 \\ \hline 70 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 \\ + 19 \\ \hline 60 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27 \\ + 13 \\ \hline 40 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 45 \\ \hline 90 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 7 \\ \hline 16 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 3 \\ \hline 12 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 9 \\ \hline 13 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ + 9 \\ \hline 15 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 9 \\ \hline 18 \end{array}$$

4. $9 + 1 + 6 = 16$

$7 + 3 + 1 = 11$

$4 + 6 + 2 = 12$

$8 + 2 + 7 = 17$

$5 + 5 + 8 = 18$

$6 + 4 + 9 = 19$

6. Ngày hôm đó mẹ mua số quả trứng là :

$9 + 7 = 16 \text{ (quả trứng).}$

Đáp số : 16 quả trứng.

7. Cả hai bạn có số quyển vở là :

$$17 + 23 = 40 \text{ (quyển).}$$

Đáp số : 40 quyển vở.

8. D.

9. a) $9 + 7 = 9 + 1 + 6$

c) $9 + 2 = 9 + 1 + 1$

b) $9 + 3 = 9 + 1 + 2$

d) $9 + 9 = 9 + 1 + 8$

TUẦN 4

LUYỆN TẬP 1

1.
$$\begin{array}{r} 39 \\ + 5 \\ \hline 44 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ + 6 \\ \hline 75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 17 \\ \hline 56 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ + 13 \\ \hline 62 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 18 \\ \hline 47 \end{array}$$

2. C

3. a) Đ b) S c) S d) Đ

4.
$$\begin{array}{r} 19 \\ + 19 \\ \hline 38 \end{array}$$

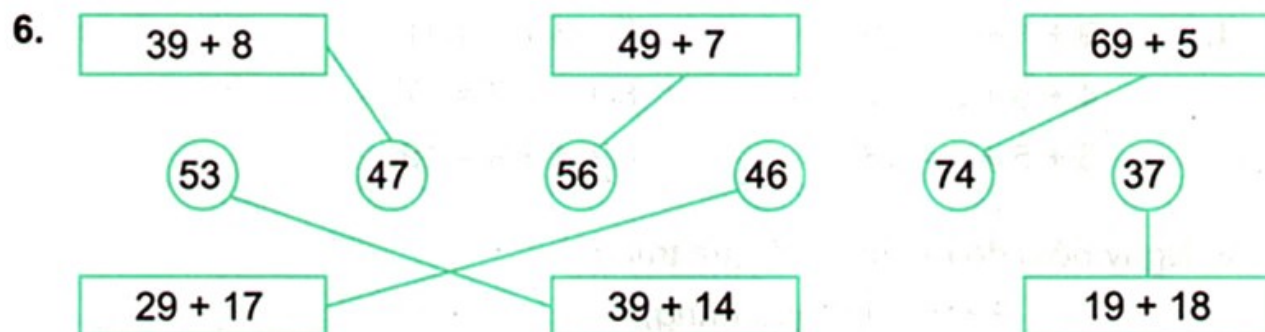
$$\begin{array}{r} 9 \\ + 28 \\ \hline 37 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 37 \\ \hline 76 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ + 13 \\ \hline 62 \end{array}$$

5.

Số hạng	9	59	69	9
Số hạng	8	4	12	24
Tổng	17	63	81	33



7. Tùng có tất cả số viên bi là :

$$19 + 15 = 34 \text{ (viên).}$$

Đáp số : 34 viên bi.

8. D.

LUYỆN TẬP 2

1.
$$\begin{array}{r} 9 \\ + 8 \\ \hline 17 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 12 \\ \hline 41 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ + 7 \\ \hline 15 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 8 \\ \hline 36 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 9 \\ \hline 47 \end{array}$$

2. C.

3. $8\text{dm} + 4\text{dm} = 12\text{dm}$

$$18\text{dm} + 6\text{dm} = 24\text{dm}$$

$$8\text{cm} + 9\text{cm} = 17\text{cm}$$

$$68\text{cm} + 3\text{cm} = 71\text{cm}.$$

4. $8 + 7 = 15$

$$8 + 2 + 5 = 15$$

$$9 + 9 = 18$$

$$9 + 1 + 8 = 18$$

$$8 + 8 = 16$$

$$8 + 2 + 6 = 16$$

$$9 + 5 = 14$$

$$9 + 1 + 4 = 14$$

5. a) ☐ Đ

b) ☐ S

c) ☐ S

d) ☐ Đ

6. a) ☐ Đ

b) ☐ S

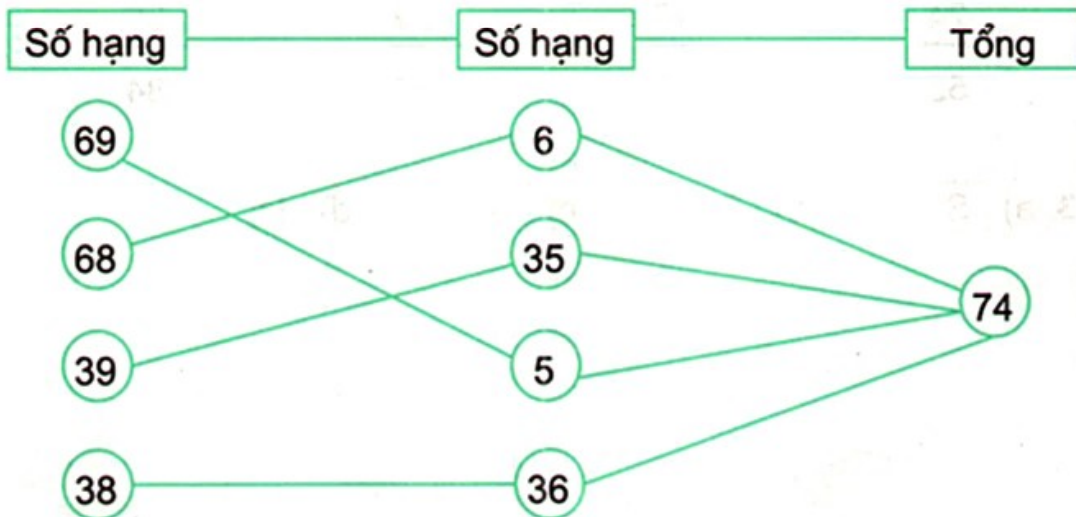
c) ☐ S

7. Cả hai bạn có số cái kẹo là :

$$18 + 9 = 27 \text{ (cái).}$$

Đáp số : 27 cái kẹo.

8.



9. Hướng dẫn :

- a) 8 cộng mấy bằng 14 ?
6 thêm 1 bằng mấy ?

Học sinh điền chữ số :

$$\begin{array}{r} 68 \\ + \quad \boxed{6} \\ \hline \boxed{7}4 \end{array}$$

- b) 9 cộng 2 bằng bao nhiêu ?
2 cộng mấy thêm 1 bằng 4 ?

Học sinh điền chữ số :

$$\begin{array}{r} 29 \\ + \quad \boxed{1}2 \\ \hline 4\boxed{1} \end{array}$$

TUẦN

5

LUYỆN TẬP 1

1.
$$\begin{array}{r} 38 \\ + 15 \\ \hline 53 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 26 \\ \hline 74 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ + 37 \\ \hline 55 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 58 \\ + 18 \\ \hline 76 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 23 \\ \hline 51 \end{array}$$

2.
$$\begin{array}{r} 28 \\ + 24 \\ \hline 52 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ + 17 \\ \hline 35 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 29 \\ \hline 67 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 36 \\ \hline 84 \end{array}$$

3. a)

b)

c)

d)

5.	Số hạng	48	38	58	68
	Số hạng	5	6	13	17
	Tổng	53	44	71	85

6. Cả hai lớp có số bạn là :

$$28 + 27 = 55 \text{ (bạn).}$$

Đáp số : 55 bạn.

7. a) Hình tứ giác b) Hình chữ nhật c) Hình chữ nhật d) Hình tứ giác

8. Hướng dẫn : $9 + 7 = 16$; $4 + 8 = 12$; $8 + 7 = 15$. Vậy: 8 cộng mấy bằng 13 ?

Học sinh điền vào ô trống :

8	5
13	

LUYỆN TẬP 2

1. $9 + 7 = 8 + 8$

$9 + 2 < 8 + 4$

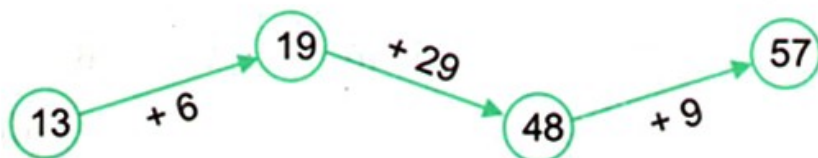
$9 + 9 > 8 + 9$

$18 + 6 > 19 + 4$

$29 + 3 = 28 + 4$

$48 + 18 < 49 + 19$

2.



3. a) 37

b) 25

c) 54

d) 83.

4. Lâm có số viên bi là :

$$7 + 2 = 9 \text{ (viên).}$$

Đáp số : 9 viên bi.

5. Tổ em có số bạn nữ là :

$$5 + 3 = 8 \text{ (bạn).}$$

Đáp số : 8 bạn nữ.

6. Hà có số quyển vở là :

$$15 + 4 = 19 \text{ (quyển).}$$

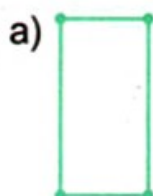
Đáp số : 19 quyển vở.

7. Túi thứ hai có số quả cam là :

$$12 + 3 = 15 \text{ (quả).}$$

Đáp số : 15 quả cam.

8.



9. Mũ cao : 96cm

Thân cao hơn Mũ : 3cm

Thân cao : cm?

Chiều cao của Thân là :

$$96 + 3 = 99 \text{ (cm).}$$

Đáp số : 99cm.

TUẦN 6

LUYỆN TẬP 1

1. a) 13

b) 34

c) 45

d) 56

e) 32

2.
$$\begin{array}{r} 7 \\ + 9 \\ \hline 16 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 6 \\ \hline 23 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 8 \\ \hline 45 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ + 7 \\ \hline 64 \end{array}$$

3. a) S

b) Đ

c) S

d) S

4. $7 + 6 = 13$

$7 + 3 + 3 = 13$

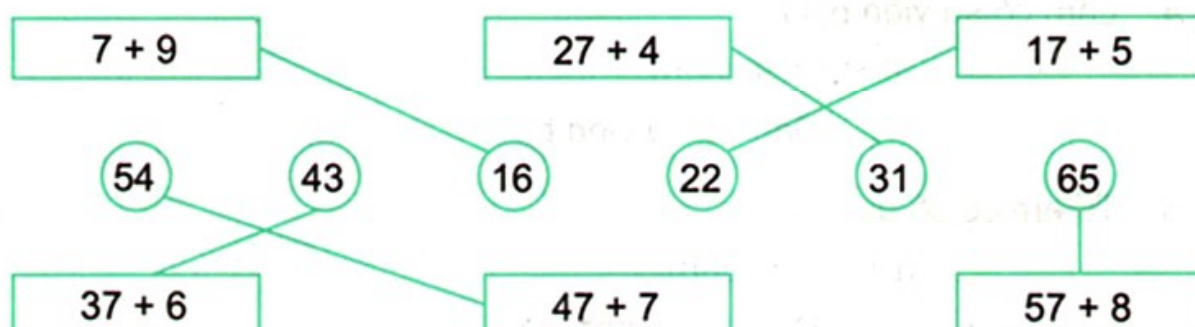
$7 + 4 = 11$

$7 + 3 + 1 = 11$

$7 + 7 = 14$

$7 + 3 + 4 = 14$

5



6

Số hạng	7	17	27	57
Số hạng	7	8	6	9
Tổng	14	25	33	66

7. Đoạn thẳng MN dài là :

$$17 + 9 = 26 \text{ (cm).}$$

Đáp số : 26cm.

8. D.

LUYỆN TẬP 2

1.
$$\begin{array}{r} 37 \\ + 9 \\ \hline 46 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27 \\ + 36 \\ \hline 63 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 57 \\ \hline 74 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 18 \\ \hline 65 \end{array}$$

2. a) ☐ Đ

b) ☐ S

c) ☐ S

d) ☐ Đ

3. $27 + 38 = 28 + 37$

$57 + 19 > 47 + 28$

$67 + 9 = 47 + 29$

$55 + 17 < 57 + 18$

4. a) ☐ S

b) ☐ Đ

5. Em có số tuổi là :

$7 - 4 = 3 \text{ (tuổi).}$

Đáp số : 3 tuổi.

6. Lớp 2A có số bạn nữ là :

$18 - 5 = 13 \text{ (bạn).}$

Đáp số : 13 bạn.

7. Cả hai cành có số con chim là :

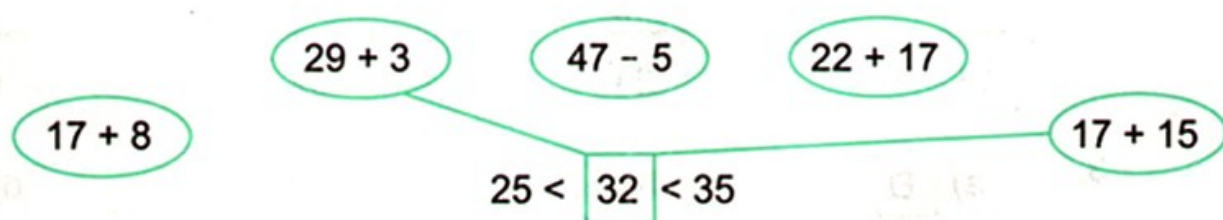
$15 + 17 = 32 \text{ (con).}$

Đáp số : 32 con chim.

8.



9.



LUYỆN TẬP 1

1. a) ☐ S b) ☐ Đ c) ☐ Đ d) ☐ S

2. a) Bốn ki-lô-gam viết là : 4kg

Mười hai ki-lô-gam viết là : 12kg.

- b) 5kg đọc là : Năm ki-lô-gam

7kg đọc là : Bảy ki-lô-gam.

3. Tính :

$$4\text{kg} + 32\text{kg} = 36\text{kg}$$

$$17\text{kg} + 13\text{kg} = 30\text{kg}$$

$$28\text{kg} + 16\text{kg} = 44\text{kg}$$

$$25\text{kg} - 4\text{kg} = 21\text{kg}$$

$$35\text{kg} - 12\text{kg} = 23\text{kg}$$

$$67\text{kg} - 45\text{kg} = 22\text{kg}.$$

4. a) < b) > c) = d) = e) > g) =

5. Mẹ mua về số ki-lô-gam gạo nếp là :

$$35 - 12 = 23 \text{ (kg)}.$$

Đáp số : 23kg gạo nếp.

6. C

7. Chiều cao của em là :

$$98 - 6 = 92 \text{ (cm)}.$$

Đáp số : 92cm.

8. a) 9 b) 8 c) 5 d) 6

LUYỆN TẬP 2

1. a) S b) S c) Đ

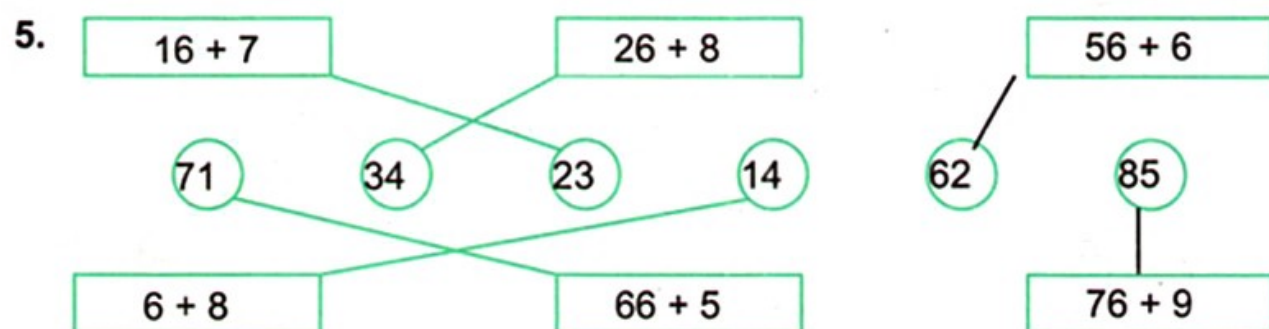
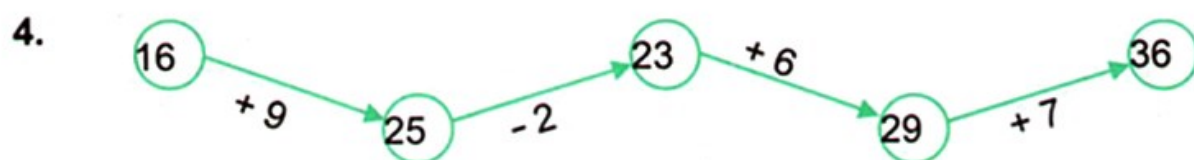
$$\begin{array}{r} 6 \\ + \\ 9 \\ \hline 15 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ + \\ 5 \\ \hline 21 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ + \\ 6 \\ \hline 52 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 56 \\ + \\ 7 \\ \hline 63 \end{array}$$

3. a) ☐ Đ b) ☐ S c) ☐ S d) ☐ Đ



6. a) < b) > c) = d) = e) > g) <

7. a) ☐ S b) ☐ Đ c) ☐ Đ d) ☐ S e) ☐ S g) ☐ Đ

8. Anh cân nặng là :

$$26 + 9 = 35 \text{ (kg).}$$

Đáp số : 35kg.

9. a) ☐ Đ b) ☐ S c) ☐ Đ d) ☐ S e) ☐ S g) ☐ S

TUẦN 8

LUYỆN TẬP 1

1.

$\begin{array}{r} 26 \\ + 25 \\ \hline 51 \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 16 \\ \hline 52 \end{array}$	$\begin{array}{r} 46 \\ + 17 \\ \hline 63 \end{array}$	$\begin{array}{r} 56 \\ + 18 \\ \hline 74 \end{array}$	$\begin{array}{r} 66 \\ + 29 \\ \hline 95 \end{array}$
--	--	--	--	--

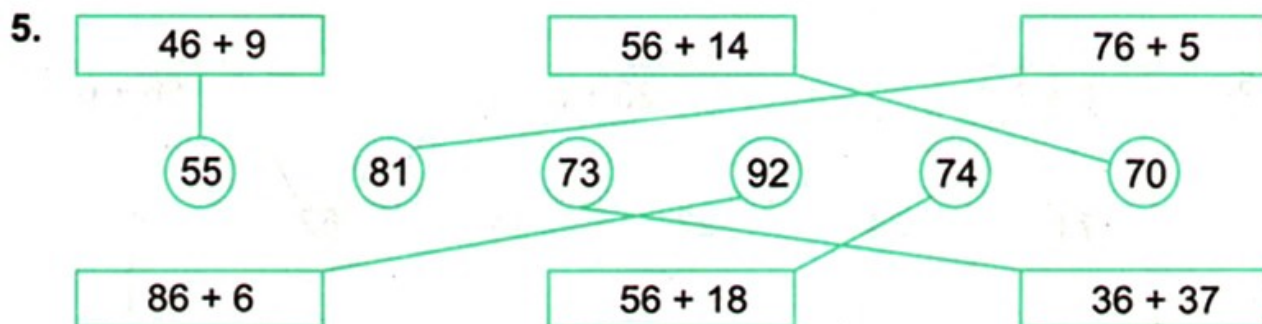
2.

a) $\begin{array}{r} 26 \\ + 28 \\ \hline 54 \end{array}$	b) $\begin{array}{r} 46 \\ + 19 \\ \hline 65 \end{array}$	c) $\begin{array}{r} 56 \\ + 27 \\ \hline 83 \end{array}$	d) $\begin{array}{r} 36 \\ + 26 \\ \hline 62 \end{array}$
---	---	---	---

3.

Số hạng	46	36	16	26	16
Số hạng	5	6	37	48	59
Tổng	51	42	53	74	75

4. a) ☐ S b) ☐ Đ c) ☐ S d) ☐ Đ



6. A

7. Bao ngô cân nặng là :

$$46 + 8 = 54 \text{ (kg).}$$

Đáp số : 54kg.

8. a) Có 4 hình tam giác

b) Có 2 hình tứ giác.

LUYỆN TẬP 2

2. $9 + 5 + 1 = 15$

$9 + 6 = 15$

$4 + 7 + 1 = 12$

$4 + 8 = 12$

$6 + 2 + 5 = 13$

$6 + 7 = 13$

3. a) Tô màu các phép cộng : $49 + 7$ và $28 + 28$.

b) Tô màu các phép cộng : $56 + 9$ và $28 + 37$ và $49 + 16$.

4. a) 92 b) 52 c) 67 d) 31 e) 31.

5. 5 phép cộng đều có tổng bằng 100.

6. a) ☐ S b) ☐ Đ c) ☐ Đ d) ☐ S

7. a)

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 29 \\ \hline 75 \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 15 \\ + 85 \\ \hline 100 \end{array}$$

c)

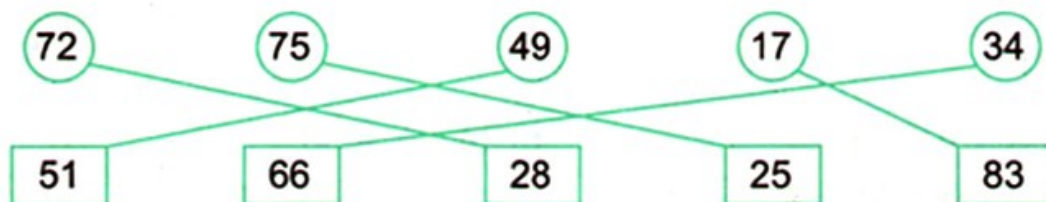
$$\begin{array}{r} 51 \\ + 49 \\ \hline 100 \end{array}$$

8. Sọt thứ hai có số quả cam là :

$$85 + 15 = 100 \text{ (quả).}$$

Đáp số : 100 quả cam.

9.



TUẦN

9

LUYỆN TẬP 1

1. a) - Bảy lít viết là : 7l

- Mười lăm lít viết là : 15l

- Hai mươi lăm lít viết là : 25l.

b) 40l đọc là : bốn mươi lít

55l đọc là : năm mươi lăm lít.

23l đọc là : hai mươi ba lít

2. a) $5l + 9l = 14l$ $36l + 17l = 53l$ $2l + 4l + 8l = 14l$ b) $18l - 7l = 11l$ $29l - 9l = 20l$ $54l - 1l - 2l = 51l$

3.



4. a) Còn 6l nước

b) Còn 13l nước

c) Còn 13l nước

5.

a) Đ

b) S

6. Thùng thứ hai có số lít dầu là :

$$76 + 8 = 84 (l).$$

Đáp số : 84l dầu.

7. Cả hai lần quây hàng bán được số gạo là :

$$45 + 55 = 100 (kg).$$

Đáp số : 100kg gạo.

8. Cần đổ thêm số lít nước mắm là :

$$15 - 12 = 3 (l).$$

Đáp số : 3l nước mắm.

LUYỆN TẬP 2

$$\begin{array}{r} 9. a) \quad 19 \\ + \quad 25 \\ \hline 44 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} b) \quad 48 \\ + \quad 27 \\ \hline 75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} c) \quad 56 \\ + \quad 18 \\ \hline 74 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} d) \quad 45 \\ + \quad 36 \\ \hline 81 \end{array}$$

2. a) B

b) C.

3. a) $x + 4 = 16$

$$x = 16 - 4$$

$$x = 12$$

b) $14 + x = 58$

$$x = 58 - 14$$

$$x = 44$$

c) $x + 23 = 89$

$$x = 89 - 23$$

$$x = 66$$

d) $37 + x = 88$

$$x = 88 - 37$$

$$x = 51.$$

4.

Số hạng	15	64	21	17
Số hạng	9	32	64	39
Tổng	24	96	85	56

5. a) 50

b) 33.

6. a) Đ

b) S

7. a) 33

b) 23

c) 62

d) 36.

8. Thùng to có số lít dầu là :

$$67 + 9 = 76 \text{ (l)}.$$

Đáp số : 76l dầu.

9. C.

BÀI TỰ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Bài 1. (1 điểm)

Nối đúng mỗi cặp được 0,25 điểm.

Bài 2. (2 điểm)

Đặt tính và tính đúng mỗi câu được 0,5 điểm.

$$\begin{array}{r} \text{a)} \quad 29 \\ + \quad 25 \\ \hline 54 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b)} \quad 48 \\ + \quad 27 \\ \hline 75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c)} \quad 36 \\ + \quad 24 \\ \hline 60 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d)} \quad 47 \\ + \quad 16 \\ \hline 63 \end{array}$$

Bài 3. (1 điểm)

Làm đúng mỗi câu được 0,25 điểm.

a) ☐ Đ

b) ☐ Đ

c) ☐ S

d) ☐ S

Bài 4. (2 điểm)

Làm đúng mỗi câu được 1 điểm (nếu điền đúng số vào mỗi ô trống được 0,5 điểm).

$$\text{a)} \quad (37) \xrightarrow{+8} [45] \xrightarrow{+7} [52]$$

$$\text{b)} \quad (69) \xrightarrow{-5} [64] \xrightarrow{+27} [91]$$

Bài 5. (1 điểm)

C.

Bài 6. (1,5 điểm)

Thùng to đựng số lít dầu là :

(0,5 điểm)

$$45 + 8 = 53 \text{ (l)}$$

(0,5 điểm)

Đáp số : 53l dầu

(0,5 điểm).

Bài 7. (1,5 điểm)

Nga cân nặng là :

$$48 - 16 = 32 \text{ (kg)}.$$

Đáp số : 32kg .

LUYỆN TẬP 1

2.

Số hạng	8	3	5	6
Số hạng	3	8	6	5
Tổng	11	11	11	11

4. $6\text{dm} = 60\text{cm}$

Thanh gỗ còn lại dài là :

$$60 - 5 = 55 (\text{cm}).$$

Đáp số : 55cm.

5.

a)

$$\begin{array}{c} 2 \\ + \\ 11 - 9 = 2 \\ = \\ 11 \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{c} 3 \\ + \\ 11 - 8 = 3 \\ = \\ 11 \end{array}$$

c)

$$\begin{array}{c} 6 \\ + \\ 11 - 5 = 6 \\ = \\ 11 \end{array}$$

d)

$$\begin{array}{c} 5 \\ + \\ 11 - 6 = 5 \\ = \\ 11 \end{array}$$

LUYỆN TẬP 2

5. a) $18 + x = 81$

$$x = 81 - 18$$

$$x = 63$$

b) $x + 17 = 90 - 19$

$$x + 17 = 71$$

$$x = 71 - 17$$

$$x = 54.$$

6. Lớp 2B có số bạn là :

$$41 - 3 = 38 \text{ (bạn).}$$

Đáp số : 38 bạn.

7. a)

5	+	6	=	11
		+		
		2		
		=		
11	-	8	=	3

b)

23	+	28	=	51
		+		
		23		
		=		
90	-	51	=	39

8.

2	4
+	7
3	1

3	1
-	7
2	4

TUẦN

11

LUYỆN TẬP 1

5. Số bút chì màu còn lại của Hà là :

$$12 - 3 = 9 \text{ (chiếc).}$$

Đáp số : 9 chiếc bút.

6. a)

		3		
		+		
12	-	9	=	3
		=		
		12		

b)

		4		
		+		
12	-	8	=	4
		=		
		12		

c)

		5		
		+		
12	-	7	=	5
		=		
		12		

d)

		6		
		+		
12	-	6	=	6
		=		
		12		

LUYỆN TẬP 2

5. a) $27 + x = 72$

$$x = 72 - 27$$

$$x = 45$$

b) $x + 28 = 90 - 8$

$$x + 28 = 82$$

$$x = 82 - 28$$

$$x = 54.$$

6. Số ki-lô-gam gạo nếp bán được là :

$$42 - 27 = 15 \text{ (kg).}$$

Đáp số : 15kg gạo nếp.

7.

12	-	4	=	8
		+		
		3		
		=		
12	-	7	=	5

39	+	23	=	62
		+		
		39		
		=		
81	-	62	=	19

8.

$$\boxed{12} + \boxed{12} = 24$$

$$\boxed{12} + \textcircled{7} = 19$$

$$\boxed{12} - \textcircled{7} = \triangle 5.$$

TUẦN 12

LUYỆN TẬP 1

2.

$$\textcircled{12} \xrightarrow{-7} \boxed{5}$$

$$\textcircled{12} \xrightarrow{-3} \boxed{9}$$

$$\textcircled{12} \xrightarrow{\text{Bớt } 9} \boxed{3}$$

6. a)

13	-	9	=	4
		+		
13	-	4	=	9
		=		
		13		

b)

13	-	8	=	5
		+		
13	-	5	=	8
		=		
		13		

LUYỆN TẬP 2

3. b) $x + 18 = 72 - 19$

$$x + 18 = 53$$

$$x = 53 - 18$$

$$x = 35$$

d) $x - 18 = 72 - 19$

$$x - 18 = 53$$

$$x = 53 + 18$$

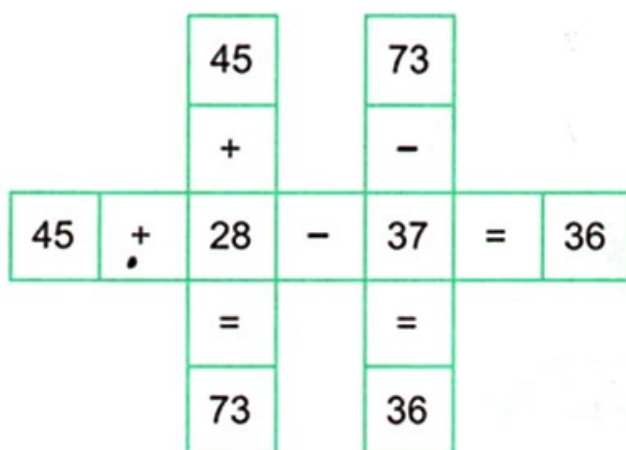
$$x = 71.$$

5. Tuổi con là : $33 - 26 = 7$ (tuổi).
Đáp số : 7 tuổi.

6. Hiện nay nhà bạn Hà nuôi số gà là :
 $43 - 15 = 28$ (con).
Đáp số : 28 con gà.

7. a) 25 ; 34 .

b)



c)



TUẦN

13

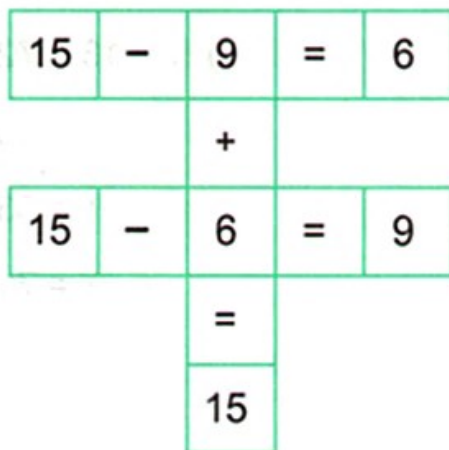
LUYỆN TẬP 1

4. Còn lại số con thỏ là :

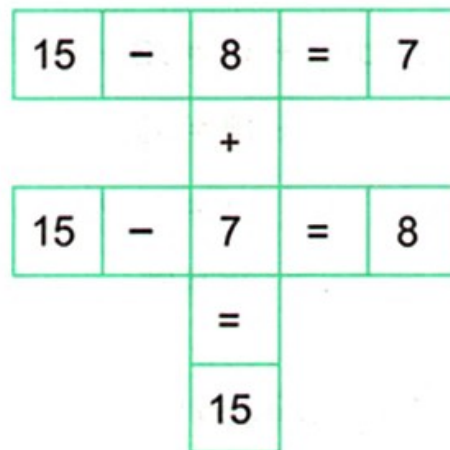
$$24 - 6 = 18 \text{ (con).}$$

Đáp số : 18 con thỏ.

5. a)



b)



c)

16	-	9	=	7
		+		
16	-	7	=	9
		=		
		16		

d)

17	-	8	=	9
		+		
18	-	9	=	9
		=		
		17		

LUYỆN TẬP 2

3. Số gạo nếp là :

$$44 - 18 = 26 \text{ (kg).}$$

Đáp số : 26kg gạo nếp.

4. Tuổi mẹ là :

$$54 - 25 = 29 \text{ (tuổi).}$$

Đáp số : 29 tuổi.

5.

a) $7 \xrightarrow{+9} 16 \xrightarrow{+4} 20$

b) $7 \xrightarrow{\text{thêm } 9} 16 \xrightarrow{\text{thêm } 4} 20$

7. a) S

b) Đ

8.

		94		77		
		-		+		
94	-	9	-	8	=	77
		=		=		
		85		85		

9.

$$\begin{aligned} & 5\text{dm} + 14\text{cm} + 6\text{cm} \\ &= 50\text{cm} + 14\text{cm} + 6\text{cm} \\ &= 70\text{cm}. \end{aligned}$$

10. a) S b) S c) Đ

TUẦN

14

LUYỆN TẬP 1

4. Mảnh vải đỏ dài là :

$$85 - 7 = 78 \text{ (dm).}$$

Đáp số : 78dm.

5. a)

18	+	9	=	27
9	+	18	=	27

b)

27	-	18	=	9
27	-	9	=	18

LUYỆN TẬP 2

3. Mảnh vải còn lại dài là :

$$76 - 18 = 58 \text{ (dm).}$$

Đáp số : 58dm.

4. Số gà mái là :

$$56 - 19 = 37 \text{ (con).}$$

Đáp số : 37 con gà mái.

5.

$$\boxed{27} \xrightarrow{+ 18} \boxed{45}$$

$$\boxed{45} \xrightarrow{+ 19} \boxed{64}$$

$$\boxed{27} \xrightarrow{\text{thêm } 18} \boxed{45} \xrightarrow{\text{thêm } 19} \boxed{64}$$

6.

Hôm nay đàn vịt đẻ được số quả trứng là :

$$35 - 17 = 18 \text{ (quả).}$$

Đáp số : 18 quả trứng.

7.

• Tìm số bị trừ :

$$\square - 9 = 8$$

$$\square - 8 = 57$$

• Tìm một số hạng của tổng :

$$\square + 17 = 65$$

48	+	17	=	65
+		-		-
17	-	9	=	8
=		=		=
65	-	8	=	57

8.

26	-	9	+	8	=	25
----	---	---	---	---	---	----

TUẦN

15

LUYỆN TẬP 1

3. Người đó nuôi số vịt là :

$$100 - 68 = 32 \text{ (con).}$$

Đáp số : 32 con vịt.

4. c) $92 - x = 45 - 16$

$$92 - x = 29$$

$$x = 92 - 29$$

$$x = 63$$

d) $100 - x = 40 - 13$

$$100 - x = 27$$

$$x = 100 - 27$$

$$x = 73$$

6.

				100
				-
100	-	38	=	62
			=	
				38

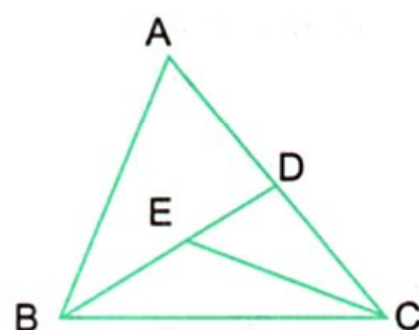
				53
				-
53	-	35	=	18
			=	
				35

LUYỆN TẬP 2

2. Ba điểm thẳng hàng :

A ; D ; C

B ; E ; D.

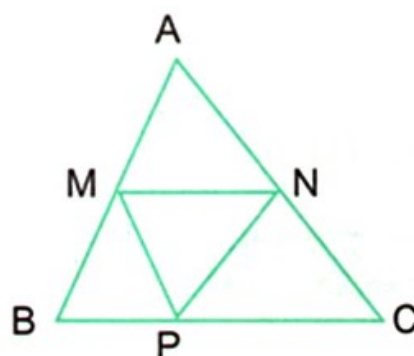


3. Ba điểm thẳng hàng:

A ; M ; B

A ; N ; C

B ; P ; C.



5.

Buổi chiều người đó bán được số gạo là :

$$75 - 18 = 57 \text{ (kg).}$$

Đáp số : 57 kg gạo.

6.

62	-	36	=	26
-	X	-	X	-
36	-	17	=	19
=	X	=	X	=
26	-	19	=	7

100	-	25	=	75
-	X	-	X	-
25	-	18	=	7
=	X	=	X	=
75	-	7	=	68

7.

50	+	30	+	10	=	90
50	+	30	-	10	=	70
50	-	30	+	10	=	30
50	-	30	-	10	=	10

TUẦN 16

LUYỆN TẬP 1

5. c) 14 giờ - 9 giờ = 5 giờ.

LUYỆN TẬP 2

2. g) Ngày 1 tháng 1 năm 2010 là thứ hai.

TUẦN 17

LUYỆN TẬP 1



5. a) $17 + x = 30$

$$x = 30 - 17$$

$$x = 13$$

b) $x - 25 = 17$

$$x = 17 + 25$$

$$x = 42$$

c) $60 - x = 23$

$$x = 60 - 23$$

$$x = 37$$

6. 43l.

7. 10 ; 16 ; 9 ; 6.

LUYỆN TẬP 2

2. a) 13cm b) 1dm.

4. B.

6. a) A ; B ; C b) A ; D ; E c) B ; D ; M d) C ; D ; P e) E ; M ; P.

LUYỆN TẬP 1

4. a) Thứ năm là ngày 19 tháng 11 và chủ nhật là ngày 22 tháng 11.
b) Thứ tư ; thứ bảy.
c) Thứ hai ngày 30 tháng 11.
5. A.

LUYỆN TẬP 2

2. 29kg.
3. 82dm.
4. a) C.
b) B.

7.

$$15 \xrightarrow{-7} 8 \xrightarrow{+6} 14 \xrightarrow{-4} 10$$

$$27 \xrightarrow{+13} 40 \xrightarrow{-10} 30 \xrightarrow{+17} 47$$

8. Ô1 Ô2 Ô3

	+				8
Ô4					10
Ô5			16	13	
Ô6			18		
	6	11			14

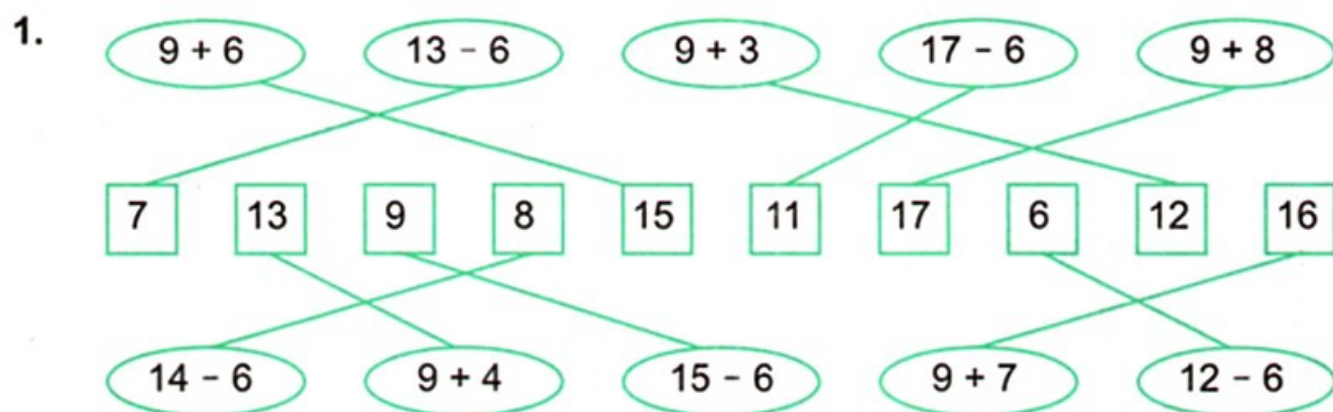
Hướng dẫn: Chú ý ô trắng có số 18, nó phải là tổng của hai số có một chữ số nên hai số đó bằng nhau và bằng 9.

Thứ tự các bước :

- Tìm số hạng ở các ô màu đen :
- Ô1
- Ô4
- Ô2 và Ô6
- Ô5
- Ô3.
- Tiếp tục tìm tổng ở các ô trắng.

+	5	9	6	8
2	7	11	8	10
7	12	16	13	15
9	14	18	15	17
6	11	15	12	14

BÀI TỰ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I



2.

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 25 \\ \hline 61 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 27 \\ \hline 46 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 33 \\ \hline 80 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 60 \\ - 28 \\ \hline 32 \end{array}$$

3.

$$\begin{aligned} x + 25 &= 55 \\ x &= 55 - 25 \\ x &= 30 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} x - 27 &= 35 \\ x &= 35 + 27 \\ x &= 62 \end{aligned}$$

4.

Số gạo buổi chiều bán được là :

$$75 - 17 = 58 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 58kg.

5. a) 5
b) 30
c) thứ năm
d) thứ hai
e) thứ sáu.

11	THỨ HAI		3	10	17	24
	THỨ BA		4	11	18	25
	THỨ TƯ		5	12	19	26
	THỨ NĂM		6	13	20	27
	THỨ SÁU		7	14	21	28
	THỨ BẢY	①	⑧	⑮	⑳	㉑
	CHỦ NHẬT	2	9	16	23	30

6. b) B.

Mục lục

Lời nói đầu	3	
	Đề bài	Hướng dẫn, đáp số
Tuần 1 Ôn tập các số đến 100. Số hạng. Tổng	5	83
Tuần 2 Đề-xi-mét. Số bị trừ - Số trừ - Hiệu	9	83
Tuần 3 Phép cộng có tổng bằng 10. Phép cộng có dạng : $26 + 4$; $36 + 24$. Phép cộng có dạng $9 + 5$	13	84
Tuần 4 Phép cộng có dạng $29 + 5$, $49 + 25$, $38 + 5$	17	86
Tuần 5 Phép cộng có dạng $28 + 37$. Hình chữ nhật, hình tứ giác. Bài toán về nhiều hơn	21	88
Tuần 6 7 cộng với một số. Phép cộng có dạng $7 + 5$; $47 + 5$; $47 + 25$. Bài toán về ít hơn	25	90
Tuần 7 Ki-lô-gam. Phép cộng có dạng $6 + 5$; $26 + 5$	29	92
Tuần 8 Phép cộng có dạng $26 + 45$. Bảng cộng. Phép cộng có tổng bằng 100	33	93

Tuần 9 Lít. Tìm một số hạng trong một tổng	37	95
Tự ôn tập, kiểm tra giữa học kì 1	41	97
Tuần 10 Số tròn chục trừ đi một số. Phép trừ có dạng $11 - 5$; $31 - 5$; $51 - 15$	43	98
Tuần 11 Phép trừ có dạng $12 - 8$; $32 - 8$; $52 - 28$	47	99
Tuần 12 Tìm số bị trừ Phép trừ có dạng $13 - 5$; $33 - 5$; $53 - 15$	51	101
Tuần 13 Phép trừ có dạng $14 - 8$; $34 - 8$; $54 - 18$. 15 ; 16 ; 17 ; 18 trừ đi một số	55	102
Tuần 14 Phép trừ có dạng $55 - 8$; $56 - 7$; $37 - 8$; $68 - 9$ $65 - 38$; $46 - 17$; $57 - 28$; $78 - 29$. Bảng trừ	59	104
Tuần 15 100 trừ đi một số. Tìm số trừ. Đường thẳng	63	105
Tuần 16 Ngày, giờ. Thực hành xem đồng hồ. Ngày, tháng. Thực hành xem lịch	67	107
Tuần 17 Ôn tập về phép cộng và phép trừ. Ôn tập về hình học	71	107
Tuần 18 Ôn tập về đo lường. Ôn tập về giải toán. Luyện tập chung	75	108
Bài tự kiểm tra cuối học kì I	80	109

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGƯT NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập NGÔ ÁNH TUYẾT
Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập lần đầu và tái bản :

VŨ MAI HƯƠNG

Trình bày bìa :

ĐINH THUY LINH

Chế bản :

HOÀNG THANH SƠN

Sửa bản in :

VŨ MAI HƯƠNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội -
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 2 (TẬP MỘT)

Mã số : T2T14a4 - ĐTH

Số đăng kí KHXB : 200-2014/CXB/127-89/GD

In 5.000 bản (QĐ03TK), khổ 17 x 24 cm. In tại Công ty cổ phần In Khoa học Kỹ thuật - HN. Số in: 05. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2014.